



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM
(VITRANSCHART JSC)

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2010

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM (VITRANSCHART JSC)

428 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

T : (84 - 08) 39404271

Fax : (84 - 08) 39404711

E : vtc-hcm@vitranschart.com.vn

W : www.vitranschart.com.vn

**Chinh Phục Thách Thức
Gặt Hái Thành Công**

MỤC LỤC

04

1. THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

06

2. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

14

3. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

20

4. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

30

5. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

36

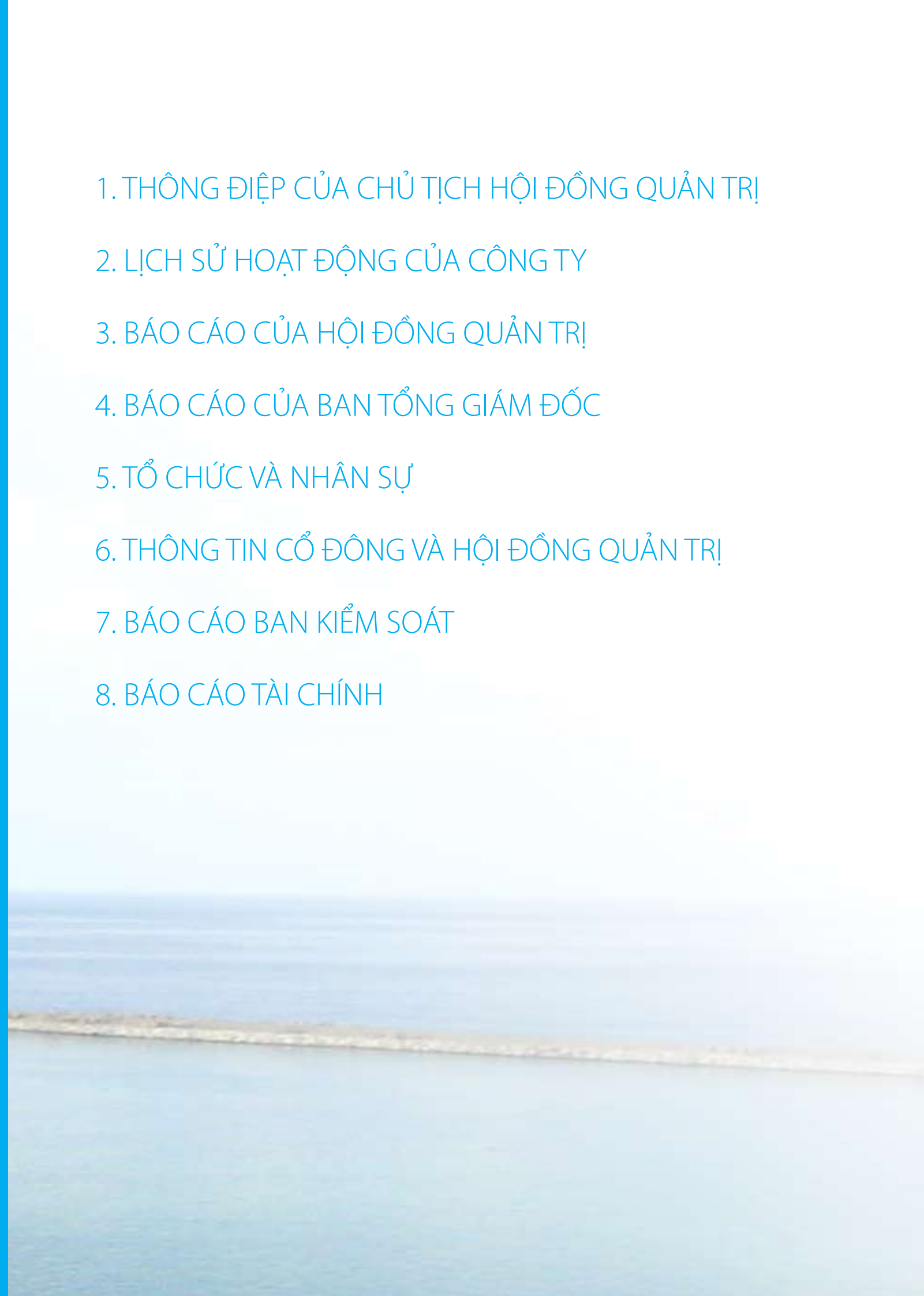
6. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

42

7. BÁO CÁO BAN KIỂM SOÁT

46

8. BÁO CÁO TÀI CHÍNH



1 Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Năm 2010, kinh tế thế giới đã từng bước được phục hồi ở mức độ thấp trong bối cảnh khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế vẫn còn tác động mạnh đến các nước, riêng Việt Nam thì nền kinh tế đã có những tín hiệu phục hồi khá quan trọng so với năm 2009, tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt 6,78% so với mục tiêu đề ra là 6,5%.

Thị trường vận tải biển thế giới đã có dấu hiệu phục hồi trong 6 tháng đầu năm với chỉ số cước của tàu hàng khô –BDI là 4.209 điểm, tuy nhiên 6 tháng cuối năm lại chỉ dao động mức từ 2000-3000 điểm. Sự phục hồi này cho thấy tính không bền vững, mang tính “vụ mùa” và “nhảy càn” phụ thuộc vào các chính sách điều tiết nền kinh tế của một số Chính phủ đối với thị trường mới nổi khổng lồ như Trung Quốc và Ấn Độ. Chính vì thế, tình hình vận tải biển trong 4 quý năm vừa qua trở nên khó dự báo, luôn tiềm ẩn rủi ro tăng đột biến trong khi kinh tế phục hồi “chậm chạp, lên xuống” và chưa có dấu hiệu chuyển biến tăng trưởng cao cho ngành vận tải biển.

Công ty đã phải đối mặt với rất nhiều thách thức trong bối cảnh khó khăn, suy giảm của nền kinh tế toàn cầu nói chung cũng như của Việt Nam nói riêng như đã nêu trên. Được sự hỗ trợ và chỉ đạo kịp thời của HĐQT, sự nỗ lực và mẫn cán của Ban điều hành cùng tập thể CBCNV, Sĩ quan thuyền viên công ty, chúng ta đã thể hiện sự đoàn kết kiên cường, quyết tâm khắc phục khó

khăn, thử thách, tập trung thực hiện thành công các chỉ tiêu cơ bản của Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2010: Doanh thu 1.983 tỷ VND, đạt 112%; Lợi nhuận: 127 tỷ VND đạt 106%. Công ty đã sử dụng nguồn vốn tự có, tìm kiếm nguồn vốn vay thương mại, thanh lý 2 tàu cũ để đầu tư mua được 2 tàu dạng handysize theo hướng cơ cấu lại và trẻ hóa đội tàu. Hiện tại đội tàu Công ty là 16 chiếc với tổng trọng tải là 327.000 Dwt. Hoạt động SXKD của công ty được duy trì ổn định, đảm bảo việc làm và thu nhập cao cho người lao động. Ban điều hành vẫn duy trì, áp dụng và thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp quản lý, chú trọng khai thác có hiệu quả từng chuyến tàu thông qua việc tiết kiệm chi phí nhiên liệu, chi phí sửa chữa và thời gian chạy tàu. Chúng ta đã xuất sắc vượt qua và hoàn thành cơ bản các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh, đầu tư phát triển, tăng vốn điều lệ mà ĐHĐCĐ thường niên 2010 đã đề ra. Với kết quả kinh doanh có hiệu quả, HĐQT sẽ đề nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt mức chia cổ tức là 12% trên 1 cổ phần mệnh giá 10.000 đồng cho cả năm 2010.

Trong năm 2011, tình hình thị trường vận tải biển vẫn còn nhiều khó khăn phức tạp, các doanh nghiệp vận tải biển vẫn đang phải đối mặt với lãi suất cao, nguồn ngoại tệ khan hiếm và chênh lệch tỷ giá. Tuy nhiên việc Chính phủ Việt Nam ban hành một số Nghị quyết, chính sách và tăng cường công tác quản lý Nhà Nước nhằm ổn

định kinh tế vĩ mô sẽ là điều kiện cho các doanh nghiệp hoạch định lại chính sách đầu tư, SXKD phù hợp với điều kiện mới. Đứng trước tình hình mới và nhiều biến động, đòi hỏi chúng ta cần phải có sự trầm tĩnh và hoạch định tốt. Cần phải tiên đoán được xu hướng, có dự báo mức ảnh hưởng, có kế hoạch bán thanh lý tàu cũ khai thác không hiệu quả với việc đầu tư phát triển thêm tàu trong điều kiện phải bảo toàn vốn trong tầm kiểm soát. Hy vọng trong năm 2011, với phương châm: mưu lược và sáng tạo VITRANSCHART JSC sẽ tiếp tục “chinh phục thách thức - gặt hái thành công”.

Thay mặt cho VITRANSCHART JSC, tôi xin gửi lời cảm ơn sâu sắc đến các đối tác, các khách hàng, các cổ đông, các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành và Tổng Công Ty Hàng Hải Việt Nam đã tin cậy và ủng hộ để VITRANSCHART JSC hoạt động kinh doanh có hiệu quả và phát triển ổn định trong năm vừa qua, tôi cũng xin gửi lời tri ân đến toàn thể CBCNV, Sĩ quan thuyền viên của Công ty đã đóng góp công sức, trí tuệ, nghĩa vụ của mình trong quản lý điều hành Công ty một cách có hiệu quả. Tôi luôn mong muốn tất cả chúng ta sẽ phát huy hết khả năng sáng tạo, tinh thần đoàn kết, hợp tác vì sự lớn mạnh và phát triển bền vững của Công ty.

Kính chúc các quý vị luôn mạnh khỏe, thành công trong hoạt động kinh doanh và hạnh phúc gia đình.

CHỦ TỊCH HĐQT

HUỲNH HỒNG VŨ

2 Lịch sử hoạt động của Công ty

Giới thiệu về Công ty

Tên Công ty

Công ty Cổ phần Vận Tải và Thuê Tàu Biển Việt Nam

Tên giao dịch quốc tế

Viet Nam Sea Transport and Chartering Joint Stock Company.

Tên viết tắt

VITRANSCHART JSC.

Vốn điều lệ 589.993.370.000 VNĐ

Tương ứng với 58.999.337 cổ phiếu phổ thông

Trụ sở chính

428 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4, TP. HCM.

Điện thoại: (08) 3940 4271 | Fax: (08) 3940 4711

Website: <http://www.vitranschart.com.vn> | Email: vtc-hcm@vitranschart.com.vn

**Chinh Phục Thách Thức
Gặt Hái Thành Công**



Lịch sử hình thành và phát triển của Công ty



Tiền thân của Công ty hiện nay được thành lập trên cơ sở tiếp quản đội tàu và các hãng tàu do chế độ cũ để lại như Hỏa xa Hàng hải Việt Nam, gồm 07 tàu (tổng trọng tải 3.220DWT).

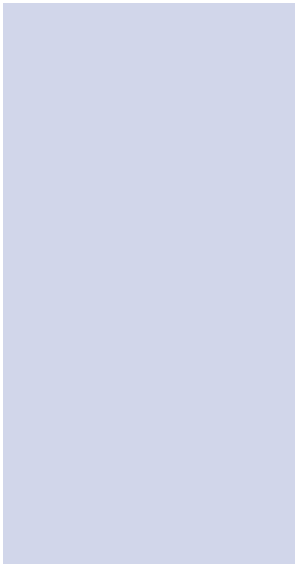


Ngày 11/12/2007, Công ty tổ chức Đại hội đồng cổ đông thành lập và tên chính thức là Công ty Cổ phần Vận Tải và Thuê Tàu Biển Việt Nam – Tên viết tắt là Vitranschart JSC. Công ty chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Vận Tải và Thuê Tàu Biển Việt Nam theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103008926 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 31/12/2007; Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh và Đăng ký thuế Công ty Cổ phần số 0300448709 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần thứ 2 ngày 09/07/2010.

Ngày 20/02/2009 Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận niêm yết số 14/QĐ-SGDHCM cho phép Công ty được niêm yết cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 26/5/1975 theo Quyết định số 16/VP/QĐ/TC, Tổng cục Giao thông vận tải quyết định thành lập “Công ty Vận tải biển Miền Nam Việt Nam” (Southern Vietnam Ocean Shipping Company) tên viết tắt “SOVOSCO”.

Ngày 07/12/1976 theo Quyết định số 4683/QĐ-TC của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải xác định Công ty Vận tải biển miền Nam Việt Nam (SOVOSCO) là Xi nghiệp vận tải thuộc Cục đường biển Việt Nam.



Mã chứng khoán: VST
Loại cổ phiếu niêm yết: Cổ phiếu thường
Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu niêm yết lần đầu:
40.000.000 cổ phiếu
Ngày giao dịch đầu tiên: 26/02/2009

Ngày 28/7/2010 UBCKNN có giấy chấp thuận số 619/UBCK-GCN về việc chào bán chứng khoán ra công chúng của Vitranschart.



Ngày 14/3/1984 Công ty Vận tải và thuê tàu biển “Transchart” và “Công ty Vận tải biển Sovosco” được hợp nhất thành Công ty Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam (Vitranschart) trực thuộc Tổng cục Đường biển Việt Nam theo Quyết định số 706/TCCB của Bộ trưởng Giao thông vận tải.

Ngày 11/3/1993, Bộ Giao thông vận tải đã ban hành về việc thành lập lại doanh nghiệp Nhà nước Công ty Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam trực thuộc Cục Hàng hải Việt Nam theo Quyết định số 377/QĐ-TCCB-LĐ có tên giao dịch quốc tế là: Vietnam Sea Transport and Chartering Company (VITRANSCHART).



Ngày chốt danh sách phát hành cổ phiếu: 16/8/2010 trong đó:
Cổ phiếu thường: 7.000.000 cổ phiếu, tỷ lệ: 100:17,5
Chào bán: 12.000.000 cổ phiếu, tỷ lệ: 10:3

Ngày 22/9/2010 cổ phiếu thường của VST được niêm yết bổ sung trên sở giao dịch chứng khoán Tp.HCM với số lượng 6.999.337 cổ phiếu.

Ngày 08/11/2010 cổ phiếu chào bán ra cho cổ đông hiện hữu của VST được niêm yết bổ sung trên sở giao dịch chứng khoán Tp.HCM với số lượng 12.000.000 cổ phiếu.

Tổng số lượng cổ phiếu đang niêm yết: 58.999.337 cổ phiếu.

Các thành tích đạt được trong quá trình phát triển

Cờ Thi đua của Chính phủ, Quyết định số 252/QĐ-TTg ngày 15/07/2007 vì có thành tích hoàn thành xuất sắc toàn diện nhiệm vụ công tác, dẫn đầu phong trào thi đua yêu nước năm 2006.

Huân chương Lao động Hạng ba, Quyết định số 1423/2007/QĐ-CTN ngày 21/11/2007 của Chủ tịch nước vì đã có thành tích xuất sắc trong công tác từ năm 2002 đến năm 2006, góp phần vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

Huân chương Bảo vệ Tổ quốc hạng ba, Quyết định số 97/QĐ-CTN ngày 22/01/2008 của Chủ tịch nước vì đã có thành tích xuất sắc trong huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu, xây dựng lực lượng quân đội nhân dân, củng cố quốc phòng từ năm 2002 đến năm 2006, góp phần vào sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

Thủ tướng Chính phủ tặng cờ thi đua của Chính phủ, vì đã có thành tích hoàn thành xuất sắc toàn diện nhiệm vụ công tác, dẫn đầu phong trào thi đua năm 2009 của các khối thuộc Bộ Giao thông Vận tải – Tại Quyết định số 167/QĐ-TTg ngày 28/01/2010.

Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam tặng cờ thi đua của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, vì đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua lao động giỏi và xây dựng tổ chức công đoàn vững mạnh năm 2009 – Tại Quyết định số 115/QĐ-TLĐ ngày 12/01/2010.

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải tặng: Cờ thi đua xuất sắc của Bộ Giao thông vận tải, vì đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua Ngành Giao thông vận tải năm 2010 – Tại Quyết định số 107/QĐ-BGTVT ngày 19/01/2011.

Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam tặng: Cờ thi đua của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, vì đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua lao động giỏi và xây dựng tổ chức công đoàn vững mạnh năm 2010 – Tại Quyết định số 1693/QĐ-TLĐ ngày 29/12/2010.

Đã lập tờ trình Tổng công ty Hàng hải Việt Nam, Bộ Giao thông vận tải, Chính phủ, Hội đồng Thi đua khen thưởng các cấp trình Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng nhì cho Công ty, vì đã có thành tích xuất sắc trong công tác từ năm 2006-2010.



Ngành nghề kinh doanh

Kinh doanh vận tải biển

Là lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính của Công ty, chuyên về khai thác vận tải biển. Hiện nay, đội tàu Công ty hoạt động khắp thế giới, chuyên chở hàng rời và bao kiện, chủ yếu là hàng nông sản, bột giấy, thiết bị, lúa mì, gạo, đường, than đá, quặng, sắt, thép và các loại nông sản khác.

Đại lý tàu biển

Cùng với các mạng lưới chi nhánh trên toàn quốc, Công ty cung cấp dịch vụ đại lý tàu biển có hiệu quả tới khách hàng tại tất cả các cảng ở Việt Nam.

Môi giới và cung ứng xuất khẩu thuyền viên (SCC)

Trung tâm đào tạo môi giới và xuất khẩu thuyền viên phía Nam (SCC) là đơn vị trực thuộc của Công ty, chuyên về dịch vụ cung ứng thuyền viên. Cụ thể, trung tâm tuyển dụng, đào tạo và cung cấp thuyền viên có trình độ và kinh nghiệm cho các chủ tàu trên toàn thế giới. Ngoài ra, Trung tâm còn làm đại lý, môi giới thuyền viên cho các tàu trong và ngoài nước.

Hơn 1.050 thuyền viên có kinh nghiệm của Công ty đã và đang làm việc cho đội tàu của chính Công ty, các Công ty khác trong và ngoài nước như: Nhật Bản, Hy Lạp, Nga, Đài Loan và Hồng Kông.

Cung ứng dịch vụ và Xuất nhập khẩu (PDIMEX JSC)

Là Công ty con, chuyên xuất nhập khẩu trực tiếp tất cả các thiết bị, phương tiện, vật tư phục vụ cho ngành hàng hải; cung cấp các thiết bị, phụ tùng thay thế; phân phối sơn và dầu nhờn chất lượng cao, xuất nhập khẩu thạch cao, clinker, pozzolan... và các dịch vụ hàng hải cho các tàu trong và nước ngoài tại Việt Nam.

Sửa chữa và bảo dưỡng tàu (SSR LTD)

Chuyên về sửa chữa, bảo dưỡng và cung cấp các loại máy móc tàu biển như máy chính, động cơ diesel và máy phụ như máy nén không khí, thiết bị tời neo, trục quay, thiết bị làm hàng, trục chân vịt và các loại máy bơm, hàn mặt boong, đáy, mạn, gò ri và sơn tàu ...

Định hướng phát triển của Công ty

Các mục tiêu chính.

Duy trì các khách hàng và tuyển khai thác các tuyến truyền thống là ưu tiên hàng đầu hiện nay, tuy nhiên bên cạnh đó Công ty cũng chú trọng đến những hành động thiết thực để tăng cường hoạt động tại các thị trường mới, tiềm năng như Bắc Mỹ, Úc, Bắc Âu...Đáp ứng linh hoạt với yêu cầu của thị trường mọi thời điểm, nâng cao hiệu suất hoạt động của đội tàu.

Tiếp tục thực hiện kế hoạch kiểm soát chặt chẽ chi phí, sử dụng tiết kiệm nhiên liệu, phụ tùng vật tư... Tăng vốn điều lệ tạo nguồn đầu tư, mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh. Bên cạnh đầu tư trẻ hóa và nâng cao chất lượng đội tàu, Công ty thực hiện chính sách lựa chọn thuyền viên có chất lượng cũng như khuyến khích thuyền viên nâng cao tinh thần trách nhiệm, vận hành an toàn, giữ gìn và bảo quản tàu tốt để nâng cao tính cạnh tranh của đội tàu Công ty trên thị trường.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

Đội tàu:

Sản xuất kinh doanh chính vẫn là vận tải biển, tiếp tục đầu tư các tàu Bulk carrier có trọng tải từ 22.500 DWT đến 56.000 DWT và phát triển các loại tàu chở dầu sản phẩm, tàu container trên 2.000 teus nhằm tăng cường hiệu quả khai thác chung cho cả đội tàu. Tiếp tục thanh lý bán các tàu cũ có hiệu quả thấp bên cạnh tăng vốn điều lệ (phần đầu đạt qui mô 1.000 tỷ đồng vào năm 2013) để mở rộng sản xuất, tạo nguồn vốn đầu tư vào các tàu có hiệu suất hoạt động cao hơn, phần đầu năm 2015 quy mô đội tàu của Công ty Vitranschart JSC từ 20 - 26 chiếc với tổng trọng tải 700.000 DWT với tuổi bình quân là 11 tuổi.

Mở rộng thị trường tiềm năng, cung cấp dịch vụ môi giới thuê tàu, nâng cao chất lượng dịch vụ từng bước đầu tư vào các khâu trong chuỗi Logistic, trong đó chủ yếu là kho bãi, vận tải thủy bộ, tăng cường cạnh tranh, khẳng định vị thế của Vitranschart JSC trên thị trường vận tải biển trong nước và quốc tế.

Các hoạt động khác:

Bên cạnh đó Công ty đang tiến hành thực hiện xây dựng các dự án đầu tư bất động sản gắn liền xây dựng cao ốc phức hợp, văn phòng cho thuê trên cơ sở tài nguyên sẵn có của Công ty tại Tp.Hồ Chí Minh và các địa phương có chi nhánh.

3 Báo cáo của Hội đồng quản trị



Những nét nổi bật trong năm

Sau thời gian sụt giảm kéo dài, ngành vận tải biển toàn cầu bước vào giai đoạn hồi phục từ cuối năm 2009. Tuy nhiên, đến năm 2010 thì diễn biến hồi phục của ngành tiến triển chưa được mạnh mẽ, bởi ngành vận chuyển trên toàn cầu vẫn chịu sự chi phối từ việc luân chuyển hàng hóa của các đơn hàng xuất nhập khẩu nguyên liệu thô giữa Trung Quốc và các nước, điều này được phản ánh khá rõ nét ngay trên biến động của chỉ số giá vận chuyển hàng khô (BDI), trong ngày 26/5/2010 chỉ số BDI đã đạt được mức cao nhất trong năm là 4.209 nhưng có lúc lại giảm mạnh ở mức 1.700 điểm vào ngày 15/7/2010. Chính vì thế, ngành vận tải trong năm vừa qua cũng không tránh được những khó khăn nhất định đã tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến chiến lược và kế hoạch kinh doanh của Công ty.

Đối với những doanh nghiệp vận tải biển đặc biệt đối với ngành vận tải hàng rời như Vitranschart thì tỷ lệ lớn doanh thu chiếm từ 70% đến 100% bằng ngoại tệ, với tình hình diễn biến giá cước vận tải như hiện nay, thì việc biến động tỷ giá một phần giúp biên lợi nhuận gộp của Công ty được cải thiện hơn. Trái lại, doanh nghiệp cũng thanh toán cho những chi phí đầu vào chính như là nhiên liệu, thiết bị phụ tùng bằng đồng ngoại tệ do phải mua tại các cảng và nhà cung cấp nước ngoài nên việc tăng giảm giá trị đồng Việt Nam cũng ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

Nắm bắt những cơ hội phát triển ngành trong tương lai là yếu tố tạo nên lợi thế cạnh tranh của Vitranschart, trong năm 2010 Công ty đã tiến hành thanh lý các tàu cũ mang lại hiệu quả khai thác không cao thay vào đó là hai tàu mới có tuổi thấp đem lại hiệu quả cao cho Công ty, đáp ứng được nhu cầu vận tải tăng cao trong thời gian tới khi nền kinh tế phục hồi, cán cân thương mại giữa các nước gia tăng.

Luôn gặp phải những trở ngại về khủng hoảng kinh tế thế giới cũng như biến động kinh tế vĩ mô trong nước nhưng Hội đồng quản trị cũng đã có những nghị quyết và giải pháp giúp Công ty vượt qua giai đoạn được xem là khó khăn của ngành Vận tải Biển. Thể hiện cho những nỗ lực của Hội đồng quản trị cũng như tập thể cán bộ công nhân viên Công ty là đã hoàn thành kế hoạch năm 2010 về sản lượng vận chuyển, doanh thu và lợi nhuận đã được đại hội cổ đông thường niên năm 2010 thông qua.

Tình hình thực hiện kế hoạch

Kết thúc năm tài chính 31/12/2010, Công ty Vitranschart JSC đã đạt được kết quả kinh doanh như sau:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch (KH) 2010	Thực hiện (TH) 2010	TH /KH
Sản lượng vận chuyển	Tấn	2.100.000	2.229.050	106,1%
Sản lượng luân chuyển	Triệu TKm	21.300	20.270	95,2%
Tổng Doanh thu	Tỷ đồng	1.773	1.983	111,9%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	120,7	127,6	105,7%

Sản lượng:

Trong năm 2010, đội tàu Công ty tự khai thác 146/148 chuyến trong đó chủ yếu là vận chuyển hàng gạo bao đi từ giữa các nước Đông Nam Á đi Tây Phi, Tây Á, Trung Mỹ; Vận chuyển đường: từ Nam Mỹ đi Tây Phi, Trung Mỹ, Biển Đen; Lúa mì, ngô... các loại từ Châu Úc đi các nước Nam Á, Trung Đông, từ Nam Mỹ đi các nước Đông Nam Á; Nông sản từ Nam Mỹ-ĐNA/Trung Mỹ/Trung Đông, Biển Đen-Tây Âu, giữa Tây Âu và Bắc Phi và các chuyến vận tải hàng đi các nước khác.

Tuy sản lượng luân chuyển không đạt được kế hoạch đề ra nhưng sản lượng vận chuyển cả năm 2010 thực hiện hơn 2,2 triệu tấn, tăng hơn 9% so với năm 2009 và vượt hơn 6% so với kế hoạch. Mặc dù trong thời kỳ khó khăn về hàng hóa và nguồn cung tàu trên thị trường tăng trong năm nhưng sản lượng mà kế hoạch đã đề ra trong năm 2010 cũng hoàn thành đạt được.

Doanh thu:

Doanh thu vận tải năm 2010 của toàn Công ty thực hiện 1.983 tỷ đồng, tăng hơn 50% so với năm 2009 và tăng hơn 10% kế hoạch. Trong đó, chủ yếu là doanh thu tự khai thác đội tàu của Công ty.

Tỷ số “Doanh thu/DWT” năm 2010 đạt 5,09 triệu đồng/DWT so với năm 2009 là 3,38 triệu đồng/DWT phản ánh khả năng khai thác hiệu quả đội tàu, đồng thời cũng thể hiện được xu hướng tăng trưởng của thị trường cước vận tải biển trong năm vừa qua.

Lợi nhuận:

Lợi nhuận trước thuế của Công ty trong năm 2010 đạt 127,6 tỷ đồng tăng hơn 60% so với năm 2009 và vượt hơn 6% so với kế hoạch đề ra. Mặc dù có sự tác động mạnh từ sự giảm sút của giá cước vận chuyển và tỷ giá hối đoái trên thị trường tác động bất lợi cho Công ty nhưng kết quả hoạt động của Công ty vẫn vượt mức lợi nhuận như kế hoạch đề ra.

Tình hình đầu tư

Năm 2010, Công ty thực hiện kế hoạch đầu tư thay đổi cơ cấu đội tàu như sau:

- Mua 02 tàu hàng khô rời (bulker) loại handysize có tuổi bình quân 12 tuổi với tổng tải trọng 52.392 DWT, tổng mức đầu tư 664,77 tỷ đồng.
- Đầu tư kho và trạm cân Nhơn Hội, Qui Nhơn, Bình Định ở giai đoạn 2 với giá trị là 6,18 tỷ đồng.
- Các dự án như mua sắm trang thiết bị, đầu tư công nghệ thông tin – hệ thống quản trị nguồn nhân lực ERP SAP, trang bị hệ thống FBB cho đội tàu, tăng cường hệ thống mạng có tổng trị giá hơn 2,0 tỷ đồng.
- Đầu tư phương tiện vận chuyển đường bộ cho Chi nhánh Vũng Tàu trị giá 2,12 tỷ đồng.

Mặc dù gặp nhiều khó khăn về tài chính để thu xếp nguồn vốn đối ứng cũng như vay vốn ngân hàng, với những mối liên hệ truyền thống với các ngân hàng đối tác đồng thời với sự định hướng đúng đắn của HĐQT và BTGD, trong năm 2010 Công ty đã đầu tư tổng cộng 675,2 tỷ đồng, hoàn thành hạng mục đầu tư chính là mua tàu để phát triển theo hướng trẻ hóa, hiện đại hóa đội tàu nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh và mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh của Công ty.



Triển vọng trong tương lai

Việt Nam đang có những bước đi tích cực để kiểm chế và duy trì lạm phát ở mức thấp; đồng thời các yếu tố có thể nói là lạc quan tác động tích cực đến nhu cầu vận tải biển Việt Nam là: (1) hầu hết các mặt hàng xuất khẩu chính của Việt Nam là hàng hóa cơ bản, phục vụ đời sống thiết yếu như gạo, giày dép, dệt may, thủy sản...; (2) đồng Việt Nam yếu cũng đang tạo ra lợi thế cạnh tranh cho hàng hóa xuất khẩu, đặc biệt là hàng hóa có tỷ lệ nguyên liệu ngoại nhập thấp; (3) việc giải ngân các dự án đầu tư và nâng cao năng lực sản xuất sẽ làm tăng nhu cầu nhập khẩu. Có thể sẽ không tránh khỏi sự suy giảm chung của toàn ngành vận tải biển nhưng cũng đảm bảo mức độ hoạt động hiệu quả cho các đội tàu vận tải của Việt Nam.

Trái lại với những điều kiện thuận lợi trên thì ngành vận tải trong nước vẫn còn những tác động theo chiều hướng không thuận lợi trong năm 2011 như: ảnh hưởng nhiều từ phí vận tải thấp (do lượng hàng hóa vận chuyển giữa các nước thấp và số lượng tàu đóng mới gia tăng), chi phí đầu vào gia tăng do giá dầu và lãi suất tiền vay tăng một cách đồng loạt, nên việc khai thác hiệu quả hoạt động của các đội tàu là một thách thức lớn đang được đặt ra cho Công ty trong năm 2011.

Nhìn xa từ những nhân tố ảnh hưởng nêu trên, HĐQT cũng như Ban điều hành đã xây dựng chiến lược cụ thể về trẻ hóa đội tàu, tăng cường đầu tư vào hệ thống quản lý nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, giảm thiểu chi phí trong năm. Như vậy, sự biến động về giá cước và khả năng tăng trưởng của kinh tế toàn cầu trong năm 2011 theo hướng lạc quan, Vitranschart sẽ đạt được kế hoạch sản xuất kinh doanh với kết quả tốt nhất.



Những vấn đề Hội đồng quản trị đã thông qua trong năm 2010

Nội dung cuộc họp HĐQT Lần 1 – Ngày 31/03/2010:

Hội đồng quản trị xem xét và thông qua các báo cáo và kế hoạch chuẩn bị cho Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010.

Nội dung cuộc họp HĐQT Lần 2 – Ngày 06/07/2010:

Hội đồng quản trị xem xét và thông qua các các vấn đề chính như sau:

- Căn cứ các công văn của UBCKNN về hồ sơ phát hành cổ phiếu thường cho cổ đông hiện hữu của Cty để quyết định điều chỉnh tỷ lệ phát hành CP thường.
- Các thủ tục giấy tờ để nhận bàn giao tàu hàng khô Voge Lucia (VTC Glory).

Nội dung cuộc họp HĐQT Lần 3 – Ngày 18/08/2010:

Hội đồng quản trị xem xét và thông qua các các vấn đề chính như sau:

- Báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư trong Quý II/ 2010, Báo cáo tài chính Quý II/ 2010 đã soát xét của kiểm toán. Các chỉ tiêu kế hoạch Quý III/2010.
- Báo cáo tiến độ phát hành CP tăng vốn điều lệ trong năm 2010.
- Thông qua Dự thảo Quy chế Người đại diện phần vốn của Công ty CP Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam.
- Thông qua Tờ trình về mức tiền lương cho thành viên chuyên trách HĐQT, Ban điều hành và Kế toán trưởng của Công ty.
- Thông qua báo cáo Ban Kiểm soát.

Nội dung cuộc họp HĐQT Lần 4 – Ngày 22/10/2010:

Hội đồng quản trị xem xét và thông qua các vấn đề chính như sau:

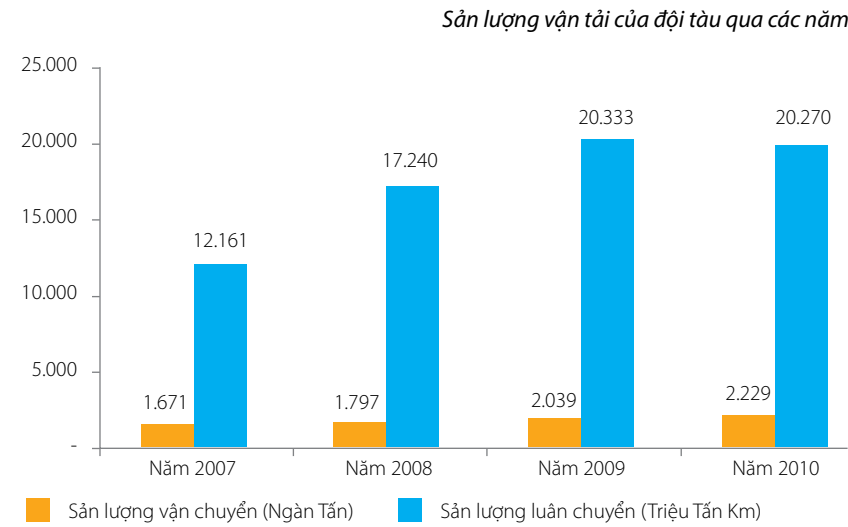
- Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh và đầu tư trong Quý III/ 2010, Báo cáo tài chính Quý III/ 2010. Các chỉ tiêu kế hoạch Quý IV/2010, phân tích những biến động về chính sách tài chính, tình hình thị trường, giá cước...;
- Báo cáo kết quả đợt phát hành CP tăng vốn điều lệ năm 2010 và kế hoạch giải ngân;
- Thông qua Tờ trình số 628/CV-TGD ngày 07 tháng 10 năm 2010 về việc đề nghị bổ nhiệm cán bộ giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc Công ty;
- Xem xét điều chỉnh quỹ tiền lương tương ứng tình hình SXKD để cân đối quyền lợi người lao động và nhà đầu tư;
- Thông qua báo cáo Ban Kiểm soát và các vấn đề khác.

4 Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc



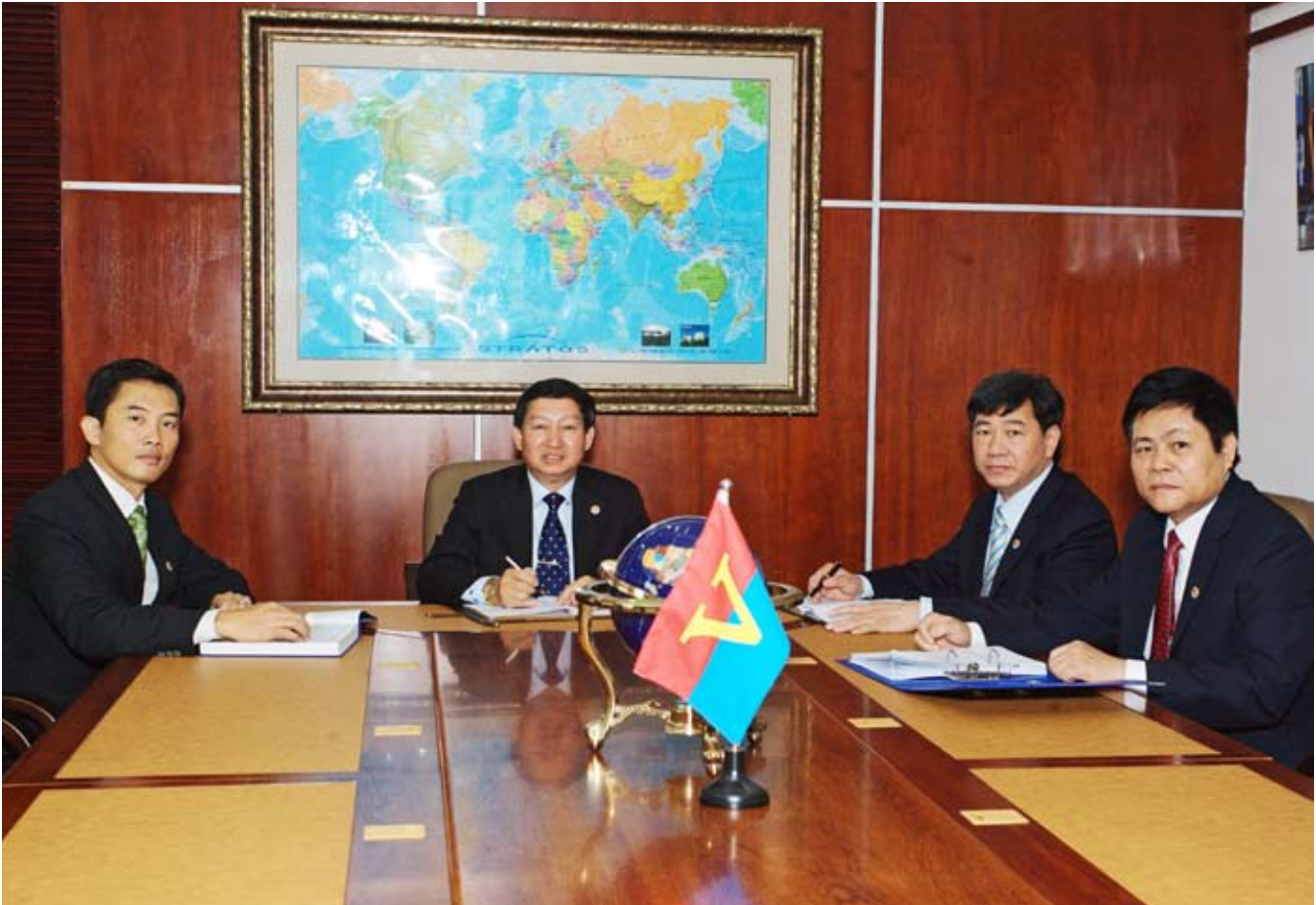
Báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh

Sản lượng thực hiện



Với lợi thế về kinh nghiệm khai thác và quản lý tàu, thêm vào đó là lợi thế cạnh tranh của Công ty trong niên năm qua nên đã tạo cho khách hàng được lòng tin và duy trì ổn định mối quan hệ trong suốt thời gian qua. Ngoài những tuyến đường và khách hàng truyền thống Công ty còn khai thác thêm các tuyến mới đảm bảo sản lượng vận chuyển trong năm 2010 tăng hơn 9% so với năm 2009 và vượt 6% so với kế hoạch đề ra.

Sự chênh lệch lớn giữa sản lượng vận chuyển và sản lượng luân chuyển trong các năm thể hiện việc vận chuyển hàng hóa của Công ty đi các tuyến dài.

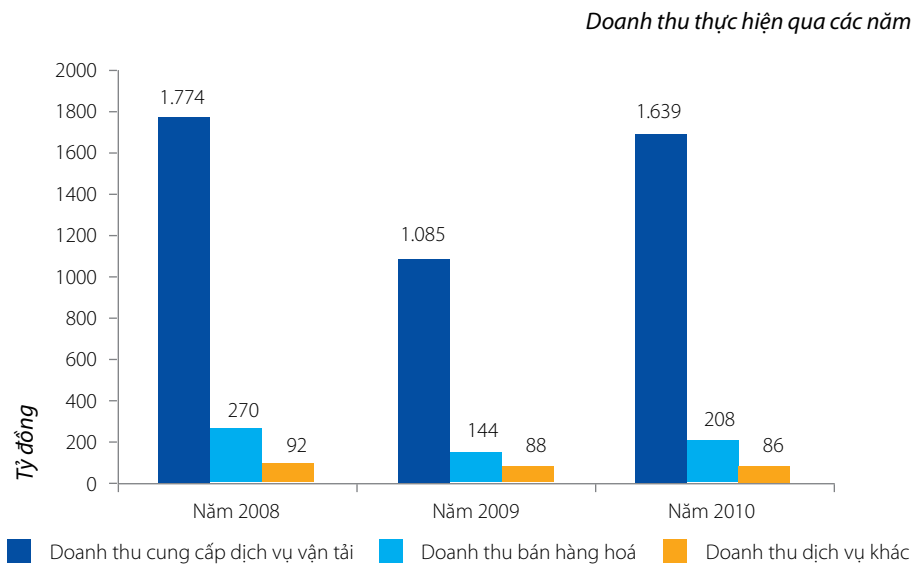


Doanh thu.

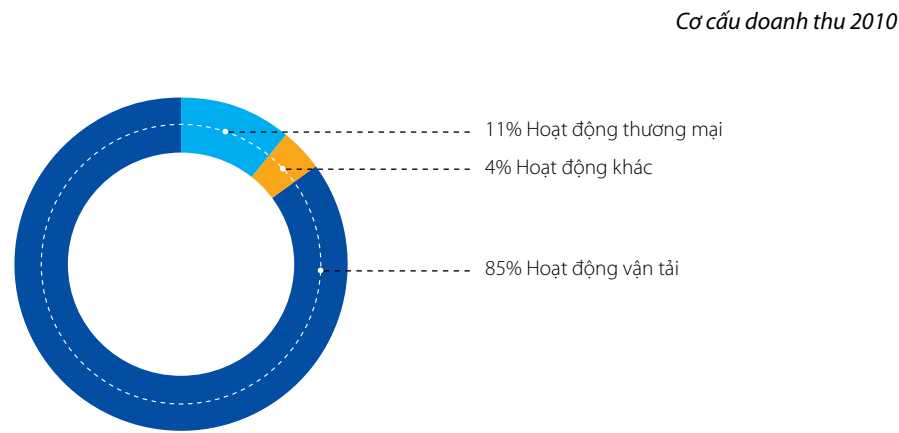
Duy trì các tuyến đường vận chuyển truyền thống đồng thời mở rộng tầm hoạt động của đội tàu trong năm qua, Vitranschart đã đạt được doanh thu từ vận chuyển hàng xuất nhập khẩu và giữa các cảng quốc tế chiếm tỷ lệ 99% trong tổng doanh thu vận tải. Dự báo trước được tình hình khó khăn chung của kinh tế toàn cầu nói chung cũng như ngành vận tải nói riêng, Ban điều hành Công ty luôn đưa ra các biện pháp và chiến lược cụ thể để vượt qua những khó khăn. Đội tàu hoạt động luôn ổn định, hiệu quả trên các tuyến truyền thống bên cạnh đó mở rộng ra những tuyến vận chuyển mới (Châu Úc và Bắc Mỹ):

- Chở gạo xuất khẩu đi Tây Phi, Trung Mỹ, ĐNÁ.
- Chở thuê đường khu vực Nam Mỹ - Tây Phi/ Trung Á/ Tây Á.
- Chở thuê nông sản trong khu vực Nam Á/ Nam Mỹ/ ĐNÁ/ Bắc phi/ Trung Đông.
- Chở lúa mì từ Châu Úc về Việt nam
- Chở thuê phân bón từ Châu Phi đi Bắc Mỹ
- Chở sắt thép từ Bắc Mỹ /ĐNÁ.

Tính đến cuối tháng 12/2010, đội tàu Công ty có 16 chiếc với tổng trọng tải 326.391 DWT, tăng 7% so với năm 2009 do được bổ sung mua mới 2 tàu là: VTC Tiger và VTC Glory có tổng trọng tải 52.392 DWT (thanh lý hai tàu Far East và Phuong Dong 2 : 28.200 DWT).



Doanh thu chính của Công ty chủ yếu từ nguồn doanh thu vận tải tự khai thác, giá trị gần 1.600 tỷ đồng tăng hơn 55% so với năm 2009. Bên cạnh đó hoạt động thương mại mua bán hàng hóa cũng tăng lên đáng kể từ 144 tỷ trong năm 2009 lên 208 tỷ của năm 2010.



Hoạt động chính là kinh doanh vận tải biển mang về cho Công ty hơn 85% trong cơ cấu doanh thu, luôn được xác định là hoạt động kinh doanh then chốt, đem lại nguồn thu chính cho Công ty. Hoạt động thương mại chủ yếu từ kinh doanh nguyên liệu clinker, thạch cao cho ngành xi măng chiếm hơn 11% trong tổng doanh thu. Các hoạt động khác bao gồm hoạt động sửa chữa bảo dưỡng, hoạt động đại lý, hoạt động kho bãi tổng hợp, hoạt động thuê lao động.

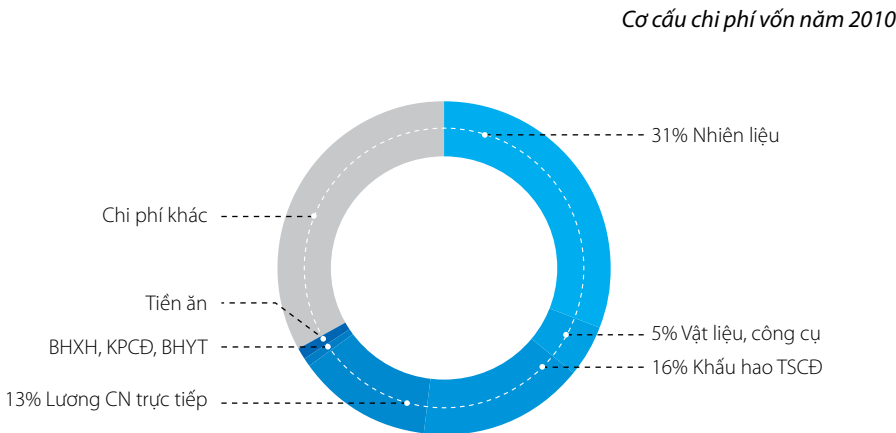
Cơ cấu chi phí giá vốn

Chiếm tỷ trọng lớn trong chi phí giá vốn là chi phí nhiên liệu, ngoài yếu tố giá dầu bình quân năm 2009 là \$53,56/thùng tăng lên \$71,21/thùng trong năm 2010 đã làm cho phí nhiên liệu trong năm tăng hơn 40% so với năm 2009. Chi phí khấu hao trong giá vốn hàng bán tăng so với năm 2009 hơn 95% do một số tàu mới được mua thêm và đưa vào khai thác trong năm 2010. Đồng thời trong năm 2009, do ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế thế giới, hoạt động kinh doanh vận tải thu không đủ bù chi nên Bộ Tài chính cho phép giảm 50% chi phí khấu hao một số tàu so với quy định tại thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài Chính. Sang năm 2010 khấu hao đội tàu công ty đã được điều chỉnh lại ở mức bình thường theo đúng quy định nên đã làm tăng tỷ trọng chi phí khấu hao trong năm 2010 lên 16% từ 11,4% của năm 2009. Chiếm tỷ trọng lớn thứ hai trong cơ cấu giá vốn là chi phí khác, đây là chi phí hàng hóa của hoạt động thương mại, cơ cấu chi phí này ổn định qua các năm.

ĐVT: Triệu đồng

CƠ CẤU CHI PHÍ	Năm 2009		Năm 2010	
	Số tiền	Tỷ lệ	Số tiền	Tỷ lệ
Nhiên liệu	332.009	30,4%	470.733	31,1%
Vật liệu, công cụ	64.487	5,9%	69.322	4,6%
Khấu hao TSCĐ	124.160	11,4%	242.556	16,0%
Lương CN trực tiếp	159.797	14,6%	202.281	13,4%
BHXX, KPCĐ, BH y tế	8.373	0,8%	10.431	0,7%
Tiền ăn	14.336	1,3%	15.188	1,0%
Chi phí khác	390.327	35,7%	501.274	33,2%
Tổng Cộng	1.093.488	100%	1.511.785	100,0%

Nguồn: Vitranschart



ĐVT: Triệu đồng

CƠ CẤU CHI PHÍ GIÁ VỐN	Năm 2009		Năm 2010	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Doanh thu thuần	1.283.167		1.931.937	
Nhiên liệu	332.009	25,9%	470.733	24,4%
Vật liệu , công cụ	64.487	5,0%	69.322	3,6%
Khấu hao TSCĐ	124.160	9,7%	242.556	12,6%
Lương CN trực tiếp	159.797	12,5%	202.281	10,5%
BHXX ,KPCĐ , BH y tế	8.373	0,7%	10.431	0,5%
Tiền ăn	14.336	1,1%	15.188	0,8%
Chi phí khác	390.327	30,4%	501.274	25,9%
Tổng Cộng	1.093.488	85,2%	1.511.785	78,3%

Nguồn: Vitranschart

Nhận định trước được những khó khăn của ngành vận tải trong năm qua, Ban điều hành đã có những thay đổi mang tính chiến lược trong quản lý một cách triệt để như cơ cấu lại bộ máy nhân sự, tăng cường khai thác đội tàu, giảm thời gian chờ tàu, tăng hiệu suất hoạt động đội tàu làm cho tiêu hao nhiên liệu giảm... thể hiện trong việc tỷ trọng các chi phí giá vốn hàng bán so với doanh thu trong năm giảm đáng kể từ 85,2% trong năm 2010 còn 78,3% vào năm 2009. Về nhiên liệu giảm từ 25,9% trong năm 2009 xuống còn 24,4%, vật liệu, công cụ giảm từ 5% xuống còn 3,6% trong năm 2010, tiền lương công nhân trực tiếp khai thác đội tàu giảm từ 12,5% còn 10,5%. Từ những yếu tố cải cách này đã làm cho hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty tăng trưởng trong giai đoạn khó khăn.

Cơ cấu chi phí hoạt động kinh doanh so với doanh thu

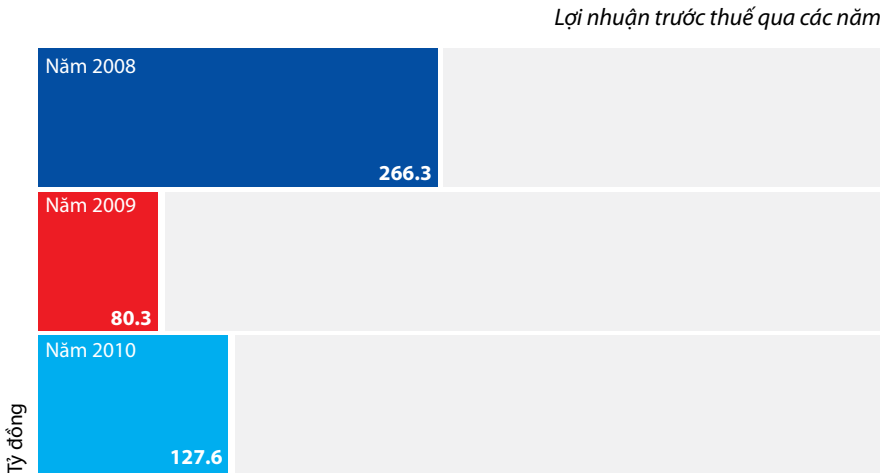
DVT: Triệu đồng

Khoản mục	Năm 2009		Năm 2010	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Doanh thu thuần	1.283.167		1.931.937	
Giá vốn hàng bán	1.093.488	85,22%	1.511.785	78,25%
Chi phí bán hàng	38.815	3,02%	53.562	2,77%
Chi phí QLDN	44.740	3,49%	68.235	3,53%
Tổng cộng	1.177.043	91,73%	1.633.582	84,56%

Nguồn: Vitranschart

Tiếp tục áp dụng những biện pháp quản lý thời gian chạy tàu kinh tế từ năm trước cho toàn bộ các đội tàu của Vitranschart, Công ty đã tiết kiệm đáng kể chi phí nhiên liệu, kéo dài tuổi thọ của thiết bị, tăng hiệu suất khai thác của các đội tàu. Bên cạnh đó, việc cơ cấu lại bộ máy nhân sự hoạt động chưa hiệu quả bằng những chính sách khuyến khích hợp phù hợp, giao đúng người đúng việc đã tạo điều kiện cho các thuyền viên và CBCNV Công ty thể hiện tài năng và năng lực của mình đóng góp cho sự tăng trưởng và phát triển Công ty.

Lợi nhuận qua các năm



Hiệu quả từ việc vận dụng những ưu điểm của Công ty cũng như sự gắn bó đầy nhiệt huyết của toàn bộ Ban điều hành, nhân viên, Sĩ quan thuyền viên Công ty đã giúp cho Công ty đạt được mức lợi nhuận cao tăng hơn 50% so với năm 2009 trong bối cảnh nền kinh tế nhiều biến động.

Tình hình tài chính

Nâng cao hiệu quả khai thác, trẻ hóa đội tàu và tăng tổng trọng tải của Công ty là ưu tiên trong chiến lược dài hạn của Vitranschart. Để thực hiện được chiến lược trên, Công ty đã tận dụng các nguồn tài trợ tài chính ưu đãi trong chương trình phát triển ngành tàu biển của cả nước. Trong năm Công ty đã phát hành thêm 19 triệu cổ phiếu đã làm giảm tỷ lệ Nợ/Vốn CSH ở mức cao từ 468% trong năm 2009 xuống 369% trong năm 2010. Các khoản vay ngắn hạn thường được dùng để bổ sung vốn lưu động, các khoản vay dài hạn chủ yếu để mua tàu phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty và tài sản được đảm bảo bằng việc thế chấp các tàu này.

Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ Tiêu	Năm 2009	Năm 2010
1. Chỉ tiêu khả năng thanh toán		
- Hệ số thanh toán ngắn hạn	0,45	0,52
- Hệ số thanh toán nhanh	0,34	0,40
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
- Hệ số nợ/Tổng tài sản	82%	78%
- Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	468%	368%
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
- Vòng quay hàng tồn kho	14,67	17,61
- Vòng quay tổng tài sản	0,46	0,58
- Vòng quay tài sản cố định	0,51	0,65
- Vòng quay vốn lưu động	4,36	5,27
- Vòng quay các khoản phải thu	27,51	24,68
- Vòng quay các khoản phải trả	17,14	11,61
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	5%	5%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	12%	13%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	15%	16%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	2%	3%
- EPS (đồng/cổ phần)	1.502	2.190

Do đặc thù ngành và yếu tố hoạt động kinh doanh, Vitranschart sở hữu giá trị tài sản lớn (chủ yếu là giá trị đội tàu) nên tỷ suất ROA thấp. Tuy nhiên tỷ số này cũng được cải thiện trong năm 2010 tăng lên từ 2% năm 2009 lên 3% trong năm 2010.

Với giá trị tổng tài sản hơn 3,3 ngàn tỷ và vốn điều lệ được tăng lên trong năm 2010 gần 600 tỷ đồng thì việc quản trị tài chính sao cho có hiệu quả nhất là một bài toán luôn được đặt ra cho ban Giám đốc. Tuy nhiên với kinh nghiệm và khả năng quản lý của ban giám đốc cũng như sự đóng góp nhiệt tình của toàn thể CBCNV đã đưa Vitranschart đi đúng hướng theo chiến lược phát triển chung của Công ty qua các hệ số tài chính cho thấy hoạt động tài chính của Công ty luôn nằm trong tầm kiểm soát của Ban điều hành.

Cơ cấu Tài sản và Nguồn vốn của Công ty

Công ty sử dụng nguồn vốn vay để đầu tư vào các tàu mới mới bổ sung và thay thế một số tàu cũ, khả năng khai thác thấp. Các khoản nợ dài hạn phải trả của Công ty tăng 15% trong năm 2010 so với năm 2009. Tỷ trọng nợ chiếm hơn 78% trên Tổng tài sản, tỷ trọng này đã giảm so với tỷ trọng của năm 2009 là 82%.

TỔNG TÀI SẢN QUA CÁC NĂM			
ĐVT: Ngân Đồng			
Chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010
Tài sản lưu động	459.155.585	294.349.430	366.602.126
Tài sản cố định	2.097.987.045	2.504.070.609	2.958.173.648
Tổng tài sản	2.557.142.630	2.798.420.039	3.324.775.774
Nợ ngắn hạn	677.984.454	654.577.964	710.503.879
Nợ dài hạn	1.375.802.581	1.651.037.690	1.896.858.666
Vốn chủ sở hữu	503.355.595	492.804.385	707.996.178
Lợi ích của Cổ đông thiểu số			9.417.051
Tổng nguồn vốn	2.557.142.630	2.798.420.039	3.324.775.774
Nguồn: Báo cáo TCKT			

Lợi ích của cổ đông thiểu số phát sinh trong năm 2010 từ Công ty Cổ phần Cung ứng dịch vụ hàng hải và xuất nhập khẩu Phương Đông (PDIMEX JSC) được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV Cung ứng dịch vụ hàng hải và xuất nhập khẩu Phương Đông (PDIMEXCO LTD) có vốn điều lệ 18 tỷ trong đó Vitranschart chiếm 56,67%.

Đối với một doanh nghiệp dịch vụ vận tải biển thì chất lượng dịch vụ, khả năng khai thác đội tàu và tận dụng hiệu quả nguồn vốn là những yếu tố tạo nên thành công của Công ty. Vitranshart là doanh nghiệp hướng tới sự hoàn mỹ cả về số lượng cũng như chất lượng của dịch vụ để đưa Vitranschart lên tầm cao mới.

Cổ tức chia cho các thành viên góp vốn

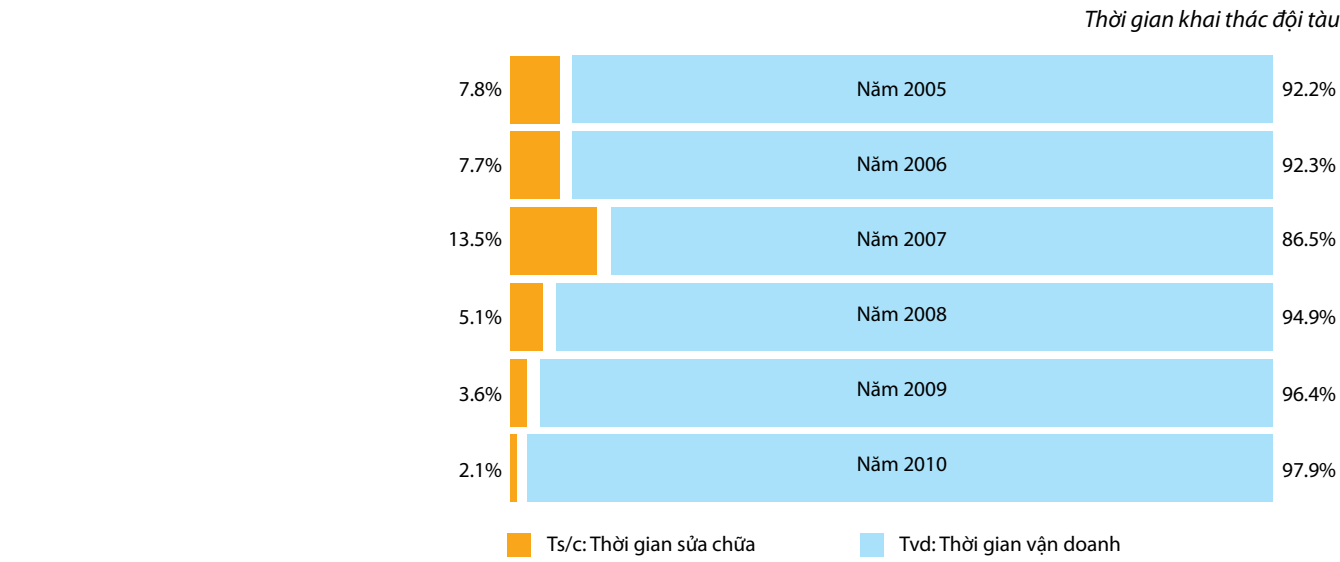
Công ty sẽ chi trả cổ tức cho các cổ đông khi kinh doanh có lãi và đã hoàn thành các nghĩa vụ đối với Nhà nước theo qui định của pháp luật. Kế hoạch chi trả cổ tức năm 2010 được Đại hội đồng cổ đông thông qua là 12%.

Sổ cổ phiếu đang lưu hành

Vitranschart được niêm yết cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 26/02/2009 với mã chứng khoán VST với số lượng cổ phiếu niêm yết lần đầu là 40.000.000 cổ phiếu và được phát hành bổ sung trong năm 2010 từ việc chào bán và phát hành thưởng, số lượng cổ phiếu đang lưu hành hiện nay của Công ty là 58.999.337 cổ phiếu.

Những tiến bộ Công ty đã đạt được

Thời gian vận hành và thời gian sửa chữa bảo dưỡng



Trong năm 2010, Công ty đã duy trì và phát huy tốt việc giảm thời gian sửa chữa từ tỷ lệ 3,6% trong năm 2009 xuống 2,1% trong năm 2010, qua đó tăng thời gian vận doanh từ tỷ lệ 96,4% trong năm 2009 lên 97,9% trong năm 2010. Điều này đã thể hiện sự quyết tâm của Ban điều hành trong việc nâng cao chất lượng công tác quản lý thời gian khai thác đội tàu và quản lý kỹ thuật đội tàu.

Công tác tổ chức Công ty:

Cơ cấu lãnh đạo cao cấp của Công ty (Hội đồng quản trị - Ban Tổng Giám đốc) sau khi được bố trí bổ sung đã đoàn kết, năng động, phát huy tốt khả năng để hoàn thành nhiệm vụ được phân công.

Các hoạt động thay đổi trong cơ cấu tổ chức:

- Thành lập Công ty cổ phần PDIMEXCO: Ngày 2 tháng 2 năm 2010 tổ chức thành công đại hội đồng cổ đông thành lập;
- Thành lập Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên sửa chữa tàu biển Phương Nam (SSR CO.LTD) với vốn điều lệ 4 tỷ đồng do VST nắm giữ 100% vào ngày 24/11/2009;
- Giải thể chi nhánh Quảng Ninh;
- Chuyển đổi chi nhánh Hà Nội thành văn phòng đại diện
- Kiện toàn Trung tâm quản lý thuyền viên thông qua hội nghị nâng cao chất lượng thuyền viên

Công tác niêm yết cổ phiếu:

Ngày 26 tháng 02 năm 2009, cổ phiếu Công ty đã được niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh mã cổ phiếu là VST, đánh dấu một bước ngoặt mới tạo tiền đề phát triển cho Công ty trong tương lai. Số lượng cổ phiếu phát hành thêm và được niêm yết vào ngày: 22/09/2010 và ngày 08/11/2010.

Cơ cấu đội tàu:

Công ty đã thực hiện việc thanh lý tàu Far East vào tháng 04/2010 và Phương Đông 2 trong tháng 11/2010. Đồng thời, Công ty cũng đã đầu tư mua thêm 2 tàu là VTC Tiger trong tháng 05/2010 và VTC Glory vào tháng 07/2010.

Công ty đã thực hiện thành công chiến lược trẻ hóa đội tàu thể hiện bằng tuổi tàu bình quân vào cuối năm 2010 là 12.8 đã giảm so với cuối năm 2009 là 13.6 tuổi.

Về hoạt động sản xuất kinh doanh

Sản lượng vận tải 2.2 triệu tấn tăng hơn 6% kế hoạch và tăng hơn 9% so với năm 2009. Công ty đã vận dụng linh hoạt trong khai thác đội tàu để phù hợp với điều kiện thị trường. Khi chỉ số BDI thấp, hoạt động tuyến xa Tây Phi, Đại Tây Dương không có hàng hóa, cước thấp, giá nhiên liệu cao, kém hiệu quả thì Công ty đã rút các tàu về Đông Nam Á để vận chuyển gạo Việt Nam xuất khẩu Philippine, Indonesia với cự ly ngắn nhưng hiệu quả cao hơn nên sản lượng luân chuyển chưa đạt mức kế hoạch. Xét trên phương diện hiệu quả vận chuyển qua chỉ tiêu sản lượng vận chuyển thì kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cũng vượt mức kế hoạch doanh thu và lợi nhuận, đã thể hiện sự cố gắng vượt bậc trong điều hành sản xuất của Công ty trong tình hình khủng khoảng kinh tế toàn cầu. Ngoài ra, Công ty còn khai thác một số tuyến mới vào thị trường Úc, Bắc Mỹ, Canada.

Bên cạnh đó, Công ty cũng đưa ra những biện pháp nhằm tiết kiệm, giảm chi phí như chạy tàu với tốc độ kinh tế, giảm công suất hợp lý để tiết kiệm chi phí nhiên liệu.

Hoạt động đầu tư:

Mặc dù gặp nhiều khó khăn về tài chính để thu xếp nguồn vốn đối ứng cũng như vay vốn ngân hàng, với sự ủng hộ của Tổng Công ty và các ngân hàng đối tác, năm 2010 Công ty chúng tôi đã đầu tư tổng cộng 675,2 tỷ đồng, hoàn thành hạng mục đầu tư chính là đầu tư mua tàu để phát triển đội tàu theo hướng trẻ hóa, hiện đại hóa đội tàu và phục vụ yêu cầu quản lý, nâng cao năng lực cạnh tranh và mở rộng sản xuất kinh doanh của công ty. Cụ thể:

- Mua 02 tàu hàng khô handysize với tổng tải trọng 52.392 DWT, tổng mức đầu tư 664,77 tỷ đồng
- Đầu tư giai đoạn 2 kho và trạm cân Nhơn Hội, Qui Nhơn, Bình Định với giá trị là 6,177 tỷ đồng.
- Các dự án như mua sắm trang thiết bị, đầu tư công nghệ thông tin – hệ thống quản trị nguồn nhân lực ERP SAP, trang bị hệ thống FBB cho đội tàu, tăng cường hệ thống mạng trị giá 2,01 tỷ đồng.
- Đầu tư phương tiện vận chuyển đường bộ cho Chi nhánh Vũng Tàu trị giá 2,12 tỷ đồng.

Khác

Công ty được Chính phủ tặng cờ luân lưu.

Ký thỏa ước lao động tập thể giữa người sử dụng lao động và người lao động

Công ty luôn giữ mối quan hệ thường xuyên với hệ thống khách hàng mỗi giới của Công ty, cung cấp những thông tin cần thiết để họ nắm và hiểu rõ khả năng vận chuyển của Công ty và ngành, tăng cường giới thiệu, quảng bá thương hiệu.

Hàng tháng Công ty đều thống kê tỷ lệ khai thác của các tàu để đánh giá hiệu quả hoạt động nhằm đưa ra các chiến lược kinh doanh, lịch trình hoạt động hợp lý cho đội tàu nâng cao khả năng khai thác nhằm tối đa hóa lợi nhuận cho Công ty.

- Ổn định tổ chức: Tăng cường nhân sự quản lý ở các bộ phận then chốt (Ban quản lý an toàn, kỹ thuật, khai thác...) nâng cao hiệu quả quản lý.
- Cải cách chế độ tiền lương theo hướng công bằng trong phân phối tiền lương nhằm khuyến khích nâng cao trách nhiệm và phát huy sáng tạo trong lao động.

Kế hoạch phát triển trong tương lai

Với đánh giá và dự báo của Hội đồng quản trị về tình hình vận tải biển vẫn còn bất ổn, đặc biệt 3 tháng đầu năm 2011, chỉ số BDI giảm chỉ còn 1.500 điểm (so với đầu năm 2010 là 3005 điểm), doanh thu vận tải giảm, giá nhiên liệu tăng cao (116 USD/thùng), lãi suất cao và lỗ chênh lệch tỷ giá. Do đó Công ty cần thận trọng trong việc tăng đầu tư, tập trung vào nâng cao chất lượng tàu để tăng tính cạnh tranh. Bán thanh lý 02 tàu cũ (đã hơn 25 tuổi) để đổi vốn đầu tư. Công ty xây dựng kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2011 như sau:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2011
Sản lượng vận chuyển	Tấn	2.046.000
Sản lượng luân chuyển	Triệu TKm	18.825
Doanh thu	Tỷ đồng	2.109
Lợi nhuận (dự kiến)	Tỷ đồng	85 – 110
Dự kiến chia cổ tức	%	12

Tình hình đầu tư dự kiến trong năm 2011 như sau:

- Mua 01 tàu hàng khô rời (bulker) loại handysize có trọng tải từ 22.500 đến 32.000 dwt đã qua sử dụng có giá trị khoảng 447 tỷ đồng;
- Đóng mới 01 tàu supramax có trọng tải khoản 56.200 dwt trị giá 871 tỷ đồng;
- Góp vốn thành lập trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật Hàng hải: 7,5 tỷ đồng;
- Các đầu tư khác: 3,5 tỷ đồng. Tiếp tục hoàn thiện các thủ tục hành chính để mua và thuê đất dài hạn cho dự án trụ sở văn phòng số 428 Nguyễn Tất Thành, Quận 4.

Mục tiêu chính 2011

Duy trì các khách hàng và tuyển khai thác các tuyến truyền thống đồng thời tăng cường hoạt động tại các thị trường mới, tiềm năng như Bắc Mỹ, Úc, Bắc Âu... đáp ứng linh hoạt với yêu cầu của thị trường mọi thời điểm, nâng cao hiệu suất hoạt động của đội tàu. Tiếp tục thực hiện kế hoạch kiểm soát chặt chẽ chi phí, sử dụng tiết kiệm nhiên liệu, phụ tùng vật tư...

Bên cạnh đầu tư trẻ hóa và nâng cao chất lượng đội tàu, Công ty thực hiện chính sách lựa chọn thuyền viên có chất lượng cũng như khuyến khích thuyền viên nâng cao tinh thần trách nhiệm, vận hành an toàn, giữ gìn và bảo quản tàu tốt để nâng cao tính cạnh tranh của đội tàu Công ty trên thị trường.

5 Tổ chức và Nhân sự



Các Công ty có liên quan

Công ty nắm quyền kiểm soát tại Vitranschart JSC.

Cổ đông	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	Tầng 17, tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, Phương Mai, Hà Nội	35.400.000	60%
Người đại diện:	1. Huỳnh Hồng Vũ		18%
	2. Trương Đình Sơn		16%
	3. Tô Tấn Dũng		13%
	4. Huỳnh Nam Anh		13%

Ghi chú:
+ Bà Lê Thị Lan thôi đại diện vốn của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam từ ngày 01/11/2010, do nghỉ hưu theo chế độ.
+ Ông Huỳnh Nam Anh làm đại diện vốn của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam từ ngày 01/11/2010.

Vitranschart JSC nắm quyền kiểm soát:

Công Ty	Địa chỉ	Vốn điều lệ	Tỷ lệ (%)
Công ty Cổ phần Cung ứng dịch vụ hàng hải và xuất nhập khẩu Phương Đông (PDIMEX JSC) – Chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV Cung ứng dịch vụ hàng hải và xuất nhập khẩu Phương Đông (PDIMEXCO LTD)	438 Nguyễn Tất Thành, P.18, quận 4, TP.Hồ Chí Minh	18.000.000.000	56,67%
Công ty TNHH MTV Sửa chữa tàu biển Phương Nam (SSR LTD) – Chuyển đổi từ Chi nhánh – Xí nghiệp Sửa chữa tàu biển (SMC)	428 Nguyễn Tất Thành, P.18, quận 4, TP.Hồ Chí Minh	5.500.000.000	100,00%

Sơ đồ tổ chức



Đội tàu kinh doanh vận tải biển của Công ty được cập nhật đến thời điểm hết tháng 31 tháng 12 năm 2010.

Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc thực hiện trực tiếp điều hành hoạt động của Công ty và chịu trách nhiệm trước Pháp luật và Hội đồng quản trị của Công ty về công tác điều hành hoạt động của mình. Các Phó Tổng Giám đốc giúp Tổng Giám đốc điều hành một số lĩnh vực hoạt động về chuyên môn nghiệp vụ của Công ty theo phân công.



Ông **TRƯƠNG ĐÌNH SƠN** - Tổng Giám đốc
Sinh Năm: 1955
Trình độ chuyên môn:
Tiến sĩ Quản trị Kinh doanh, Kỹ sư cơ khí động lực.
Số cổ phần nắm giữ đại diện vốn Nhà nước:
9.440.000 cổ phần. Sở hữu cá nhân: 575.085 cổ phần.



Ông **HUỲNH NAM ANH**
Phó Tổng Giám đốc

Sinh Năm: 1966
Trình độ chuyên môn:
Thạc sĩ khoa học ngành quản lý vận tải biển

Số cổ phần nắm giữ đại diện vốn Nhà nước:
7.670.000 cổ phần. Sở hữu cá nhân : 46.962 cổ phần.



Ông **TÔ TẤN DŨNG**
Phó Tổng Giám đốc kiêm nhiệm Giám đốc Trung tâm Đào tạo, môi giới và xuất khẩu thuyền viên phía Nam (SCC)

Sinh Năm: 1959
Trình độ chuyên môn:
Thạc sĩ Tổ chức và quản lý vận tải biển, Kỹ sư điện, Cử nhân Quản trị kinh doanh, cử nhân Anh văn, cao cấp lý luận chính trị.

Số cổ phần nắm giữ đại diện vốn Nhà nước:
7.670.000 cổ phần.
Sở hữu cá nhân: 17.847 cổ phần.



Ông **DƯƠNG ĐÌNH NINH**
Phó Tổng Giám đốc

Sinh Năm: 1956
Trình độ chuyên môn:
Kỹ sư khai thác máy tàu biển, cao cấp lý luận chính trị.

Sở hữu cá nhân: 20.207 cổ phần.

Bổ nhiệm Giám đốc điều hành trong năm

Ngày 27/08/2010 Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Tổng Giám đốc Tổng công ty Hàng hải Việt Nam – ông Dương Chí Dũng đã ký Quyết định số 548/QĐ-HĐTV, quyết định bà Lê Thị Lan, ủy viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc Công ty, nghỉ việc để hưởng chế độ hưu trí kể từ ngày 01/11/2010.

Vào ngày 25/10/2010 Chủ tịch Hội đồng quản trị - ông Huỳnh Hồng Vũ, đã ký Quyết định của Hội đồng quản trị số 30/QĐ-HĐQT, bổ nhiệm ông Dương Đình Ninh, Kỹ sư khai thác máy tàu biển, máy trưởng, giữ chức Phó Tổng Giám đốc Công ty kể từ ngày 01/11/2010.

Quyền lợi của Ban Giám đốc

Trong năm 2010, tiền lương và thưởng thực tế trả cho Ban Tổng Giám đốc, gồm 4 thành viên là: 3.071.954.090 đồng.

Số lượng nhân viên và chính sách đối với người lao động

Tổng số lao động của Công ty tại thời điểm 31/12/2010 là 1.362 người, cơ cấu lao động theo trình độ được thể hiện trong bảng sau:

STT	Chỉ tiêu	Số CB.CNV 31/12/2009	Số CB.CNV 31/12/2010	Tỷ trọng
	Tổng số lao động	1.510	1.362	100%
1	Phân theo trình độ lao động	1.510	1.362	100%
	Tiến sĩ	1	1	0,01%
	Thạc sĩ	11	11	0,8%
	Đại học	509	503	36,93%
	Cao đẳng	164	161	11,82%
	Trung cấp	203	201	14,76%
	Công nhân kỹ thuật	369	362	26,58%
	Trình độ khác	253	123	9,03%
2	Phân theo công việc	1.510	1.362	100%
	Khối trên bờ	431	311	22,83%
	Khối thuyền viên	1.079	1.051	77,17%
3	Phân theo hợp đồng lao động (HĐLĐ)	1.510	1.362	100%
	HĐLĐ không thời hạn	613	611	44,86%
	HĐLĐ từ 1 đến 3 năm	739	735	53,96%
	HĐLĐ dưới 1 năm	158	16	1,18%

Thu nhập bình quân đầu người qua các năm

Năm	2007	2008	2009	2010
Thu nhập bình quân (VNĐ/người/tháng)	8.318.800	11.257.400	10.300.000	15.500.000

Chính sách đối với người lao động:

Về chế độ làm việc nghỉ ngơi:

Do tính đặc thù của ngành nên Công ty đã vận dụng các chính sách có lợi hơn cho người lao động như: Khối phục vụ và quản lý (trên bờ) làm việc 05 ngày/tuần, còn đối với khối thuyền viên làm việc trên tàu biển là lao động đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm nên đã thực hiện giảm thời gian làm việc là 2giờ/ngày.

Về chính sách tuyển dụng:

Hàng năm Công ty tuyển dụng lao động đến trên 100 lao động, trong đó Sĩ quan thuyền viên theo nhu cầu từ 80-90 lao động, nguồn lao động này từ sinh viên các trường Đại học, Sĩ quan thuyền viên từ các đơn vị trong ngành chuyển đến. Việc tuyển dụng lao động qua một quy trình chặt chẽ, nên tuyển chọn được lao động có chất lượng phù hợp, đáp ứng được yêu cầu phát triển Công ty trong từng giai đoạn. Số lao động tuyển dụng được ký hợp đồng lao động ngay, đúng quy định, do vậy người lao động yên tâm và gắn bó với Công ty.

Song song đó, Công ty cũng có những quy định, kỷ luật chặt chẽ đối với người lao động về các chế độ chấm dứt hợp đồng lao động, trợ cấp thôi việc theo đúng luật.

Về chính sách đào tạo:

Trong thời gian qua Công ty đã đầu tư cho đội ngũ CBCNV với mục tiêu có đầy đủ tri thức phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh, do vậy Công ty đã tăng cường công tác đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ, kiến thức quản lý kinh tế, kỹ thuật, ngoại ngữ cho CBCNV theo đúng quy trình tuyển dụng lao động và quản lý, thực hiện tốt các chế độ chính sách đối với người lao động. Hình thức đào tạo phong phú, tại chỗ, tại các trường, trên các tàu, trong và ngoài nước.

Đối với cán bộ quản lý kinh tế, kỹ thuật: Công ty tập trung bồi dưỡng, cập nhật các kiến thức về quản lý kinh tế, quản lý đầu thầu, đầu tư, luật thương mại, kỹ thuật và các chuyên đề về chuyên môn nghiệp vụ ngắn ngày, chế độ chính sách về lao động dôi dư, các công tác về an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy, thi nâng bậc, nâng cao trình độ ngoại ngữ, tuyển dụng v.v...

Về chính sách lương, thưởng và phúc lợi:

Chính sách lương – thưởng:

Trong năm 2010, suy giảm kinh tế toàn cầu chưa hồi phục, đã ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh, nhưng Công ty đã cố gắng điều chỉnh tiền lương phù hợp, chia sẻ lợi ích với các nhà đầu tư, cổ đông, bảo đảm mức lương người lao động tăng hơn năm 2009 ít nhất 10%, như thống nhất tại Hội nghị người lao động Công ty năm 2010, đây là một cố gắng lớn của Công ty về thu nhập để thu hút và giữ chân người lao động tiếp tục gắn bó lâu dài với Công ty.

Định kỳ, sau mỗi tháng, Công ty có đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ chuyển đi của các tàu để xét thưởng phù hợp, điều chỉnh mức tiền lương theo bảng lương, nhằm khuyến khích đóng góp và tăng cường trách nhiệm đối với SQTV đội tàu Công ty, đã có kết quả tích cực; đặc biệt vào dịp kết thúc năm 2010, khuyến khích được các tàu hoàn thành tốt nhiệm vụ; cuối năm tất cả các đơn vị đều có tiền thưởng có giá trị từ 1,0 - 2,5 tháng lương thực trả trong năm 2010.

Phúc lợi Công ty

Phục vụ cho các hoạt động chung, cũng như tham quan du lịch trong và ngoài nước; đồng thời chăm lo các hoạt động xã hội bản thân người lao động tại Công ty, như quỹ khuyến học cho con em người lao động học giỏi, gia đình có khó khăn; thăm hỏi gia đình thuyền viên

Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty trong năm 2010 không có thay đổi so với năm 2009.

Các hoạt động khác



Hiện nay, Công ty đã tặng 05 nhà tình thương tại Bến Tre (năm 2010 tặng 3 căn). Trao 41 suất học bổng trong năm 2010 cho học sinh nghèo hiếu học tại Bến Tre (20 suất), con CB.CNV, SQTV Công ty (21 suất). Dịp Tết Tân Mão 2011, Công ty tổ chức thăm hỏi và tặng quà cho BMVNAH Công ty phụng dưỡng, nguyên lãnh đạo ngành, Công ty, một số thuyền trưởng đã nghỉ hưu, các đối tượng chính sách khác của Công ty; cùng các đơn vị, tổ chức ngoài Công ty, như: Trung tâm Nuôi dưỡng người già neo đơn Chánh Phú Hòa, Bình Dương (thuộc Sở Lao động - Thương binh và xã hội TP.HCM), Trại trẻ Mồ côi Thủ Đức, Trung tâm Nhân đạo nuôi dạy trẻ em khuyết tật Quê Hương, Trung tâm Điều dưỡng thương binh nặng Duy Tiên (Nam Hà), ủng hộ người nghèo Q.4, ủng hộ Cầu lạc bộ Hữu trí ngành Hàng hải phía Nam. Thăm hỏi và tặng tiền cho đồng bào một số tỉnh bị thiên tai tại miền Trung..

6 Thông tin cổ đông và Hội đồng Quản Trị

Hội đồng Quản trị

Hội đồng quản trị có 6 thành viên gồm một chủ tịch, một phó chủ tịch và bốn thành viên:



Ông **HUỖNH HỒNG VŨ** - Chủ tịch hội đồng Quản trị
Sinh Năm: 1957
Trình độ chuyên môn:
Kỹ sư khai thác vận tải biển, Thạc sĩ kinh tế vận tải biển, Cao cấp lý luận chính trị.
Số cổ phần nắm giữ đại diện vốn Nhà nước:
10.620.000 cổ phần.
Sở hữu cá nhân: 19.015 cổ phần.



Ông **TRƯƠNG ĐÌNH SƠN**
Phó chủ tịch Hội đồng Quản trị
(Xem mục 4)



Bà **LÊ THỊ LAN**
Thành viên Hội đồng Quản trị
Sinh Năm: 1955
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính kế toán, Cao cấp lý luận chính trị.
Sở hữu cá nhân : 28.320 cổ phần.



Ông **TÔ TẤN DŨNG**
Thành viên Hội đồng Quản trị
(Xem mục 4)



Bà **TÔ THỊ THU VÂN**
Thành viên Hội đồng Quản trị
Sinh Năm: 1971
Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
Sở hữu cá nhân: 7.375 cổ phần.



Ông **NGUYỄN MINH CƯỜNG**
Thành viên Hội đồng Quản trị
Sinh Năm: 1974
Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ kinh tế, Nghiên cứu sinh kinh tế, Kỹ sư hoá.
Sở hữu cá nhân: Không cổ phần.

Thành viên Hội Đồng Quản Trị độc lập không điều hành

Hiện tại 2 thành viên Hội Đồng Quản Trị độc lập không điều hành, hoạt động trong các tiểu ban của Hội Đồng Quản Trị cụ thể như sau:

- Ông **NGUYỄN MINH CƯỜNG:**

Tiểu ban Chiến lược phát triển
- Bà **TÔ THỊ THU VÂN:**

Tiểu ban tài chính, kiểm toán và thông tin cổ đông

Các thành viên hoạt động theo đúng cơ cấu và nhiệm vụ của từng tiểu ban trong việc tham mưu cho Hội Đồng Quản Trị

Hoạt động của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị được chia thành 4 tiểu ban nhỏ phụ trách các việc cụ thể như: Chiến lược phát triển; Nhân sự; Chính sách đãi ngộ; Tài chính thông tin. Tùy vào tình hình kinh doanh và đánh giá thị trường hoạt động của Công ty, Hội đồng quản trị vạch ra những chiến lược hoạt động cho Công ty sao cho có hiệu quả nhất. Tùy vào trường hợp cụ thể, trong quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị sẽ giải quyết và đưa ra những quyết định cụ thể cho từng trường hợp.

Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có 3 thành viên gồm một trưởng ban và 2 thành viên:



Ông **THÁI VĂN CAN**
Trưởng Ban kiểm soát

Sinh Năm: 1955

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cơ khí chế tạo máy, Cử nhân Quản trị kinh doanh.

Sở hữu cá nhân :3.835 cổ phần.



Bà **NGUYỄN THỊ BĂNG TÂM**
Thành viên Ban kiểm soát

Sinh Năm: 1961

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế vận tải biển, Cử nhân Ngữ Văn Anh.

Sở hữu cá nhân :10.620 cổ phần.



Bà **LÊ THỊ HỒNG ÁNH**
Thành viên Ban kiểm soát

Sinh Năm: 1980

Trình độ chuyên môn: Cử nhân tài chính tín dụng

Sở hữu cá nhân: không cổ phần.

Quyền lợi của Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát

Khung thưởng về hiệu quả sản xuất kinh doanh và mức thù lao của HĐQT và Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 như sau:

- Hoàn thành kế hoạch lợi nhuận trích thưởng 1% lợi nhuận sau thuế;
- Vượt kế hoạch lợi nhuận sau thuế:
- Dưới 20 tỷ đồng, trích thưởng 2% phần vượt chênh lệch lợi nhuận sau thuế;
- Từ 20 tỷ đồng đến dưới 50 tỷ đồng, trích thưởng 3% phần vượt chênh lệch lợi nhuận sau thuế;
- Từ 50 tỷ đồng trở lên, trích thưởng 5% phần vượt chênh lệch lợi nhuận sau thuế.

Mức thù lao thực tế trả cho Hội Đồng Quản Trị trong năm 2010 là: 946.285.704 đồng

Mức thù lao trả cho Ban Kiểm Soát trong năm 2010 là: 394.714.296 đồng

Kế toán trưởng



Bà **VŨ MINH PHƯỢNG**
Sinh Năm: 1959
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh
Sở hữu cá nhân: 3.245 cổ phần.

Dữ liệu thống kê cổ đông và diễn biến giá cổ phiếu

Danh sách cổ đông sáng lập

Dựa theo công văn số 1751/CV-HĐQT ngày 27/11/2007 của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam về việc giới thiệu cán bộ tham gia Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Quyết định số 1191/QĐ-HĐQT ngày 27/11/2007 của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam về việc cử người làm đại diện phần vốn góp của Nhà nước tại Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam.

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Cổ đông Nhà nước (*) Người đại diện:	Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam	35.400.000	60%
a	Huỳnh Hồng Vũ	16 đường Nam Phú/ Nam Long -Trần Trọng Cung – Q7 – HCM	10.620.000	18%
b	Trương Đình Sơn	100/2 Nguyễn Đình Chiểu, Phường ĐaKao, Q1, Tp. HCM	9.440.000	16%
c	Tô Tấn Dũng	3E/9 Phố Quang, Phường 2, Quận Tân Bình, Tp. HCM	7.670.000	13%
d	Huỳnh Nam Anh	7A Thành Thái, Phường 14, Quận 10, Tp.HCM, Phòng 207, Chung cư Nguyễn Tri Phương.	7.670.000	13%
TỔNG CỘNG			35.400.000	60%

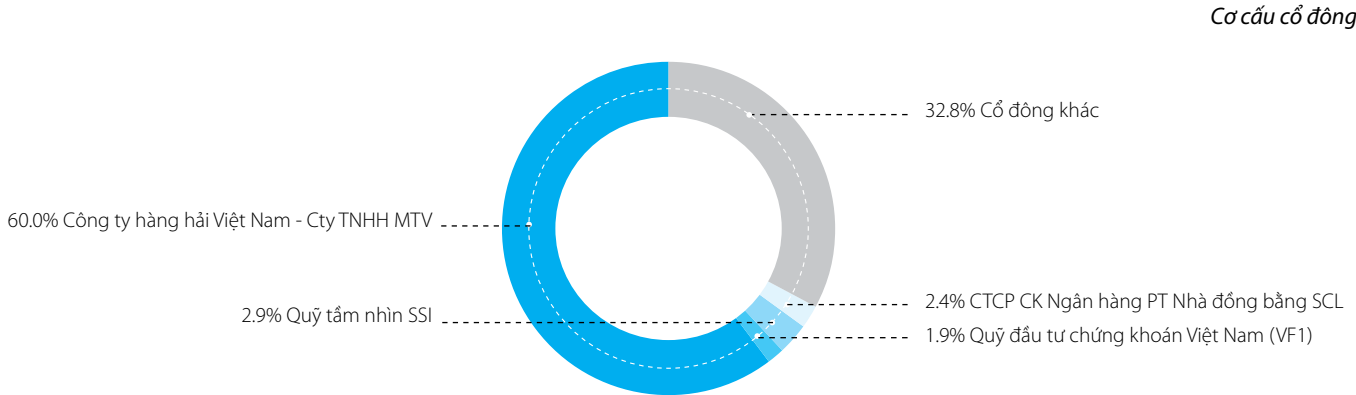
Cơ cấu cổ đông

Danh sách cổ đông đến thời điểm ngày 16 tháng 03 năm 2011

STT	Cổ đông	Số cổ phần sở hữu (Cổ phần)	Tỷ lệ (%)
1	Trong nước	58.655.837	99,42
2	Ngoài nước	343.500	0,58
	Tổng	58.999.337	100
1	Cá nhân	16.761.222	28,41
2	Tổ chức	42.238.115	71,59
	Tổng	58.999.337	100

Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn điều lệ

Hiện nay có một cổ đông đang nắm giữ số lượng cổ phiếu trên 5% là Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam chiếm tỷ lệ 60% tổng vốn điều lệ.



Diễn biến giá cổ phiếu trong năm 2010



7 Báo cáo Ban kiểm soát

Hội đồng quản trị trong công tác quản lý hoạt động Công ty

Hội đồng quản trị kể từ ĐHĐCĐ thường niên năm 2010, đã ổn định 6 thành viên HĐQT cho đến nay. Trong năm 2010, các thành viên đều thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và quyền hạn theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty. Thành viên HĐQT không nằm trong Ban Điều hành/Ban Tổng Giám đốc là 03 thành viên, trong đó Chủ tịch HĐQT chuyên trách.

HĐQT đã bảo đảm công tác quản trị hoạt động của Công ty theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2005, mục tiêu của Công ty theo Điều lệ và Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2010. Năm 2010, năm thứ ba hoạt động của nhiệm kỳ 5 năm (2008-2012), HĐQT đã thể hiện sự vững vàng, bản lĩnh, linh hoạt, kinh nghiệm trong công tác quản trị doanh nghiệp, trong điều kiện kinh tế trên phạm vi toàn cầu suy giảm và hồi phục chậm, đã đạt được kết quả quan trọng và vững chắc, một số chỉ tiêu cơ bản mà Nghị quyết ĐHĐCĐ 2010 đã đề ra, sau đây:

- Sản lượng vận tải, về tần thực hiện 106,1% kế hoạch; sản lượng luân chuyển đạt 95,2% kế hoạch;
- Doanh thu thực hiện 111,9 % kế hoạch;
- Tổng vốn đầu tư thực hiện 91,3% kế hoạch;
- Tăng vốn điều lệ theo đúng quy định;
- Lợi nhuận sau thuế thực hiện 105,0% kế hoạch;
- Trình ĐHĐCĐ chia cổ tức bằng tiền mặt, tỷ lệ là 12%;
- Hoàn thành nghĩa vụ đối với Nhà nước theo quy định.

Tổng Giám đốc điều hành Công ty

Ban điều hành Công ty hiện nay là 4 thành viên, gồm Tổng Giám đốc và 3 Phó Tổng Giám đốc. Năm 2010, đã giải quyết nghỉ hưu 1 Phó Tổng Giám đốc và bổ nhiệm thay thế 1 Phó Tổng Giám đốc trong tháng 11/2010. Tổng Giám đốc đã thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn của mình, điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty theo đúng quy định của Điều lệ Công ty, cũng như tổ chức thực hiện đúng Nghị quyết của ĐHĐCĐ và Nghị quyết của HĐQT trong năm 2010. Các Phó Tổng Giám đốc đã hoàn thành trách nhiệm của mình theo sự thống nhất phân công theo lĩnh vực của Tổng Giám đốc.

Sau ĐHĐCĐ 2010, Tổng Giám đốc đã nhanh chóng kiện toàn tổ chức, bố trí cán bộ quản lý, lao động tại các đơn vị phù hợp, tổ chức điều hành năng động, tích cực, nhạy bén, có trách nhiệm cao và cẩn trọng, kịp thời đưa ra các giải pháp quan trọng để thực hiện các chỉ tiêu cơ bản về sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển mà Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2010 đã đề ra, kết quả, như sau:



- Bảo đảm công tác quản lý, khai thác tốt đội tàu hiện tại gồm 16 chiếc, tổng trọng tải 327.000 DWT, tuổi tàu bình quân là 12,8 tuổi,
- Mua 02 tàu đã qua sử dụng (tổng trọng tải 52.286 DWT) và bán thanh lý 02 tàu (cũ) để điều chỉnh cơ cấu đội tàu. Bổ sung danh mục đầu tư vào dự án kho bãi Nhơn Bình (Bình Định), chi nhánh Vũng Tàu và tổ chức kinh doanh ổn định;
- Doanh thu thực hiện vượt 12% kế hoạch, lợi nhuận sau thuế vượt 5% kế hoạch;
- Bảo đảm công ăn việc làm cho hơn 1.360 CB,CNV, SQTV và tiền lương, thu nhập khác từng bước được cải thiện nâng cao.

Kết quả thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính năm 2010

Tình hình kinh doanh: Năm 2010, kinh tế toàn cầu phục hồi chậm sau suy thoái, thiếu vững chắc và giá cước trên thị trường vận tải biển tuy khá hơn, nhưng còn mức thấp, một số chi phí sản xuất kinh doanh tăng cao, đã thực sự ảnh hưởng đến doanh thu và lợi nhuận của Công ty năm 2010. Tuy vậy, hình hình kinh doanh theo Nghị quyết ĐHĐCĐ 2010 đạt khá tốt, thể hiện sự phát triển bền vững của Công ty, trong điều kiện nhiều khó khăn, thách thức, cụ thể: Hoạt động của đội tàu Công ty tăng năng suất khá, thực hiện tốt cả về tuyến và chuyển so với kế hoạch đề ra.

- Sản lượng vận chuyển đạt 2,23 triệu tấn, tăng 9,3% năm 2009 và vượt 6,1% kế hoạch, với 20,27 tỷ TKm, tương đương cùng kỳ và giảm 4,8% so với kế hoạch.
- Doanh thu thực hiện 1.983 tỷ đồng, vượt 12% kế hoạch và tăng hơn 50% năm 2009. Trong đó, doanh thu vận tải biển đạt 1.690 tỷ đồng, tăng hơn 56% năm 2009 và vượt 17% kế hoạch.
- Lợi nhuận sau thuế thực hiện đạt 94,5 tỷ đồng, vượt 5% kế hoạch và tăng 57% năm 2009.

Báo cáo tài chính: Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2010 của Công ty đã được Công ty TNHH Kiểm toán và kế toán Hà Nội (CPA HANOI) kiểm toán. Qua xem xét Báo cáo Tài chính hợp nhất, Ban kiểm soát nhất trí với ý kiến của Công ty TNHH Kiểm toán và kế toán Hà Nội là xét trên những khía cạnh trọng yếu, Báo cáo Tài chính hợp nhất do Công ty lập là phản ánh trung thực và hợp lý tính hình tài sản, nguồn vốn, cũng như hoạt động kinh doanh, lưu chuyển tiền tệ, phù hợp với quy định hiện hành của Nhà nước.

Phương hướng hoạt động năm 2011

Tiếp tục thực hiện đầy đủ trách nhiệm và quyền hạn của ban Kiểm soát đã được quy định được thể hiện cụ thể:

- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính của năm 2011.
- Tiến hành thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hợp nhất hàng quý và năm 2011; cũng như thẩm định báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định đó lên Đại hội đồng cổ đông thường niên. Giám sát quá trình thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2011.
- Tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị và đánh giá hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2011.

Các thành viên Ban Kiểm soát, căn cứ nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm quy định và thống nhất phân công trong Ban Kiểm soát để thực hiện công việc nêu trên có hiệu quả cao nhất. Đồng thời tăng cường công tác phối hợp để thực hiện đầy đủ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2011.

Đánh giá hoạt động của BKS năm 2010

Năm 2010, kinh tế toàn cầu hồi phục chậm sau suy giảm, đã ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động Công ty nói chung và kinh doanh vận tải biển Công ty nói riêng, nhưng với sự nỗ lực phấn đấu vượt qua khó khăn, tận dụng thời cơ, Công ty đã thực hiện các chỉ tiêu về kinh tế - xã hội, đầu tư phát triển theo Nghị quyết ĐHĐCĐ 2010 đạt được thành quả quan trọng và vững chắc. Hoạt động Công ty ổn định, đạt được mục tiêu đề ra, đúng Luật doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty, cũng như các quy định khác của pháp luật. Đội ngũ cán bộ quản lý, điều hành Công ty hoàn thành tốt nhiệm vụ được quy định. Lợi ích các nhà đầu tư, cổ đông được bảo đảm cao nhất. Việc làm và thu nhập của người lao động được giữ vững và nâng cao một bước đáng kể.

Những công việc triển khai thực hiện:

- Về công tác tổ chức của BKS: Ban kiểm soát gồm 3 thành viên, trong đó có 1 Trưởng ban, đã ổn định từ đầu nhiệm kỳ đến nay.
- Tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị Công ty.
- Giám sát quá trình triển khai, thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ 2010, ngày 16/04/2010, các chỉ tiêu chính, cơ bản đều thực hiện có kết quả tốt và hoàn thành nghĩa vụ đối với nhà nước theo quy định.
- Xem xét, đánh giá tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý của Hội đồng quản trị, điều hành hoạt động của Ban Tổng Giám đốc, trong công tác sản xuất kinh doanh, tổ chức kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Cũng như tính hợp lý, hợp pháp của sổ sách kế toán và báo cáo tài chính hợp nhất hàng quý, năm 2010 của Công ty; Các nội dung này Công ty đã thực hiện đúng quy định.
- Thẩm định Báo cáo tài chính hợp nhất hàng quý và năm 2010.
- Một số công việc khác theo quy định.
- Những kỳ họp trong năm tài chính 2010: Trong năm tài chính 2010, Ban kiểm soát họp định kỳ theo quy định (tối thiểu 2 lần/năm), đã thực hiện 4 lần/năm.

Đánh giá chung:

- Ban kiểm soát đã hoàn thành nhiệm vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Quy chế của Ban kiểm soát năm 2008.
- Tuy nhiên, cần tiếp tục rút kinh nghiệm, đúc kết thực tế để hoàn thành tốt nhiệm vụ hơn nữa, đặc biệt giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ 2011 và nhiệm kỳ (2008-2012).
- Trên đây là một số đánh giá cơ bản nhất hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2010 và phương hướng năm 2011. Tất cả các thành viên Ban Kiểm soát đã thống nhất các nội dung tại báo cáo này.

Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM
Địa chỉ: 428 Nguyễn Tất Thành, Quận 4, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại : 083.9.404.271 - Fax: 083.9.404.711

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) là Doanh nghiệp được cổ phần hoá từ Doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 2137/QĐ-BGTVT ngày 11 tháng 07 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải. Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103008926 ngày 31 tháng 12 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hồ Chí Minh cấp, đăng ký thay đổi lần 1 ngày 24 tháng 04 năm 2009 và đăng ký thay đổi lần 2 ngày 09 tháng 07 năm 2010 được đổi thành số 0300448709 với vốn điều lệ là 400.000.000.000 tỷ đồng.

Đến ngày 02/11/2010, Công ty đã được Sở giao dịch Chứng khoán TPHCM chấp thuận cho niêm yết và giao dịch bổ sung 6.999.337 cổ phiếu thường và 12.000.000 cổ phiếu phát hành thêm, nâng tổng vốn đầu tư của chủ sở hữu từ 400.000.000.000 đồng lên thành 589.993.370.000 đồng (Năm trăm tám mươi chín tỷ, chín trăm chín mươi ba triệu, ba trăm bảy mươi ngàn đồng chẵn./.). Cơ cấu vốn như sau:

Cổ đông	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	354.000.000.000	60,00
Các cổ đông khác	235.993.370.000	40,00
Cộng	589.993.370.000	100,00

Trụ sở hoạt động		
Địa chỉ	:	428 Nguyễn Tất Thành, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại	:	(84-8)39.404.622 – 39.404.271
Fax	:	08-8)39.404.711
Mã số thuế	:	0300448709
Email	:	vtc-hcm@vitranschart.com.vn

Các đơn vị trực thuộc:		
<i>Tên đơn vị</i>		<i>Địa chỉ</i>
Trung tâm đào tạo, môi giới và xuất khẩu thuyền viên Phía Nam (SCC)		36 Nguyễn Thị Minh Khai, phường Đa Kao, quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Chi nhánh Hải Phòng		22 Lê Đại Hành, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, TP. Hải Phòng
Chi nhánh Đà Nẵng		215 Hải Phòng, TP. Đà Nẵng
Chi nhánh Qui Nhơn		Lô C2-C3 Cụm Công nghiệp Nhơn Bình, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Các công ty con:		
<i>Tên Công ty</i>		<i>Địa chỉ</i>
Công ty TNHH MTV Sửa chữa tàu biển Phương Nam (SSR)		428 Nguyễn Tất Thành, phường 18, quận 4, TP. Hồ Chí Minh
Công ty Cổ Phần Cung ứng dịch vụ hàng hải và XNK Phương Đồng (Pdimexco)		438 Nguyễn Tất Thành, phường 18, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

Lĩnh vực hoạt động và ngành nghề kinh doanh của Công ty:

- Kinh doanh vận tải biển;
- Đào tạo nghề;
- Xuất khẩu lao động;
- Sửa chữa tàu biển;
- Mua bán phương tiện, thiết bị, phụ tùng phục vụ ngành vận tải biển, vật tư hóa chất, sơn phục vụ sửa chữa và bảo dưỡng tàu biển, dầu nhớt, nguyên vật liệu ngành xây dựng Đại lý kinh doanh xăng dầu;
- Cung ứng tàu biển;
- Đại lý kinh doanh xăng dầu;
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa;
- Kinh doanh vận tải đa phương thức quốc tế;
- Dịch vụ tiếp vận;
- Dịch vụ khai thuê hải quan;
- Kinh doanh bất động sản;
- Cho thuê kho bãi, container;

Kiểm toán viên độc lập
Công ty Kiểm toán và Kế toán Hà Nội được bổ nhiệm thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 31/12/2010 của Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam.

Thành viên Hội đồng quản trị tại ngày lập báo cáo gồm:

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Huỳnh Hồng Vũ	Chủ tịch	13 tháng 04 năm 2009
Ông Trương Đình Sơn	Phó chủ tịch	13 tháng 04 năm 2009
Ông Tô Tấn Dũng	Ủy viên	11 tháng 12 năm 2007
Bà Lê Thị Lan	Ủy viên	11 tháng 12 năm 2007
Ông Nguyễn Minh Cường	Ủy viên	11 tháng 12 năm 2007
Bà Tô Thị Thu Vân	Ủy viên	11 tháng 12 năm 2007

Thành viên Ban Kiểm soát tại ngày lập báo cáo gồm:

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Thái Văn Can	Trưởng ban	11 tháng 12 năm 2007
Bà Nguyễn Thị Băng Tâm	Thành viên	11 tháng 12 năm 2007
Bà Lê Thị Hồng Ánh	Thành viên	11 tháng 12 năm 2007

Thành viên ban Tổng giám đốc của Công ty tại ngày lập báo cáo gồm:

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Trương Đình Sơn	Tổng giám đốc	13 tháng 04 năm 2009
Bà Lê Thị Lan	Phó Tổng giám đốc	22 tháng 01 năm 2008, (nghỉ hưu 01/11/2010)
Ông Tô Tấn Dũng	Phó Tổng giám đốc	30 tháng 12 năm 2008
Ông Huỳnh Nam Anh	Phó Tổng giám đốc	28 tháng 04 năm 2009
Ông Dương Đình Ninh	Phó Tổng giám đốc	25 tháng 10 năm 2010
Bà Vũ Minh Phượng	Kế toán trưởng	22 tháng 01 năm 2008

Tại báo cáo này Ban Tổng Giám đốc xin khẳng định những vấn đề sau đây:

- Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính một cách trung thực và hợp lý.
- Chúng tôi đã cung cấp toàn bộ các tài liệu kế toán cần thiết cho các Kiểm toán viên và chịu trách nhiệm về tính trung thực của các tài liệu đã cung cấp.
- Việc thiết lập và duy trì một hệ thống kế toán và hệ thống kiểm soát nội bộ có hiệu lực, để thực thi công việc quản lý là thuộc trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc.
- Tài sản mà Công ty đang nắm giữ là thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Công ty và không có bất kỳ một sự kiện nào có thể dẫn tới việc tranh chấp các tài sản mà Công ty đang sử dụng.
- Báo cáo tài chính đã phản ánh một cách trung thực về tình hình tài sản, công nợ và nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty tại thời điểm 31/12/ 2010, cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.
- Báo cáo tài chính đã được lập phù hợp với các Chính sách kế toán đã được trình bày trong bảng Thuyết minh Báo cáo tài chính và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành về kế toán của Việt Nam.
- Kể từ ngày kết thúc niên độ kế toán đến ngày lập Báo cáo tài chính, chúng tôi không thấy phát sinh bất kỳ một sự kiện nào có thể ảnh hưởng đáng kể đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính và ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty cho năm tài chính tiếp theo.
- Chúng tôi khẳng định rằng Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong các năm tài chính tiếp theo.

TPHCM, ngày 11 tháng 03 năm 2011.

Thay mặt và đại diện
Công ty Cổ phần Vận tải và thuê Tàu biển Việt Nam
Tổng Giám đốc


TRƯƠNG ĐÌNH SƠN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010
của Công ty Cổ phần Vận Tải và Thuê Tàu Biển Việt Nam

Kính gửi: Hội đồng Quản Trị và Ban Tổng Giám đốc

Chúng tôi, Công ty Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPA HANOI) đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2010 của Công ty Cổ Phần Vận Tải và Thuê Tàu Biển Việt Nam, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất, Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất như đã trình bày từ trang 07 đến trang 32 kèm theo. Báo cáo tài chính này đã được lập phù hợp với các quy định của Chế độ kế toán Việt Nam nêu tại mục II, III, IV và V trong phần Thuyết minh Báo cáo tài chính .

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc từ trang 02 đến trang 04, Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất một cách trung thực và hợp lý.

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến độc lập về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và các quy định kiểm toán độc lập hiện hành ở Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện kiểm toán để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết nhằm thu thập các bằng chứng nhằm xác minh những số liệu và thông tin điều chỉnh trong Báo cáo tài chính hợp nhất; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như phương pháp trình bày tổng quát Báo cáo tài chính.

Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, thì Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Vận Tải và Thuê Tàu Biển Việt Nam đã:

- Phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài sản, công nợ và nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty tại thời điểm 31/12/2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày;
- Phù hợp với Chế độ kế toán, Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành về kế toán có liên quan.

Báo cáo kiểm toán được lập thành 10 bản tiếng Việt và 05 bản tiếng Anh các bản có giá trị pháp lý như nhau. Công ty Cổ phần Vận Tải và Thuê Tàu Biển Việt Nam giữ 09 bản tiếng Việt và 04 bản tiếng Anh; Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội giữ 01 bản tiếng Việt và 01 bản tiếng Anh.

Kiểm toán viên
Kiểm toán viên


Nguyễn Thị Phần
Chứng chỉ kiểm toán viên
Số: 0928/KTV

Công ty Kiểm toán và Kế toán Hà Nội
Phó Tổng Giám đốc



Trần Thị Kim Thoa
Chứng chỉ kiểm toán viên
Số: 1303/KTV

Bảng cân đối kế toán hợp nhất
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND				
Tài sản	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		366.602.125.957	294.349.429.655
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		32.484.776.236	64.285.415.072
1. Tiền	111	V.01	32.484.776.236	64.285.415.072
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá ĐT NH(*)	129		-	-
III. Các khoản phải thu	130		125.907.939.736	98.490.543.894
1. Phải thu khách hàng	131	V.02	78.274.858.097	46.645.973.099
2. Trả trước cho người bán	132	V.03	44.100.839.430	42.970.560.269
3. Phải thu nội bộ	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐ XD	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	138	V.04	4.609.817.532	9.760.674.790
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139	V.05	(1.077.575.323)	(886.664.264)
IV. Hàng tồn kho	140		85.849.739.858	74.534.018.473
1. Hàng tồn kho	141	V.06	85.849.739.858	74.534.018.473
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		122.359.670.127	57.039.452.216
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		53.488.120.769	35.906.656.942
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	V.07	56.978.415.335	9.707.562.329
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.08	11.893.134.023	11.425.232.945
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.958.173.648.333	2.504.070.609.146
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		514.511.297	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu nội bộ dài hạn	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		514.511.297	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-

Bảng cân đối kế toán hợp nhất
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND				
Tài sản	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
II. Tài sản cố định	220		2.907.191.594.725	2.472.142.279.920
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.09	2.884.891.844.852	2.460.663.796.315
- Nguyên giá	222		4.278.312.868.574	3.725.592.743.427
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(1.393.421.023.722)	(1.264.928.947.112)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	2.680.960.000	2.763.216.330
- Nguyên giá	228		3.019.106.453	3.019.106.453
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(338.146.453)	(255.890.123)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	19.618.789.873	8.715.267.275
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (*)	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		50.467.542.311	31.928.329.226
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	49.332.521.170	27.280.066.422
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	3.516.741.663
3. Tài sản dài hạn khác	268		1.135.021.141	1.131.521.141
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		3.324.775.774.290	2.798.420.038.801

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

Nguồn vốn	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		2.607.362.544.527	2.320.523.599.460
I. Nợ ngắn hạn	310		710.503.878.764	629.907.898.573
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.13	442.063.600.594	380.058.419.746
2. Phải trả người bán	312	V.14	56.365.774.025	74.858.317.007
3. Người mua trả tiền trước	313		535.504.800	645.767.636
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.15	23.017.772.292	9.742.776.093
5. Phải trả công nhân viên	315		55.152.980.477	43.523.177.052
6. Chi phí phải trả	316	V.16	60.462.017.707	36.471.034.491
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng XD	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.17	66.760.946.005	69.700.461.169
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		6.145.282.864	14.907.945.379
II. Nợ dài hạn			1.896.858.665.763	1.690.615.700.887
1. Phải trả dài hạn người bán	331	V.18	6.285.543.982	6.892.515.072
1. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
2. Phải trả dài hạn khác	333		8.162.921.101	8.162.921.101
3. Vay và nợ dài hạn	334	V.19	1.862.593.223.060	1.625.570.383.121
4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.20	6.526.934.798	9.444.637.687
3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		16.419.683	967.232.672
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		13.273.623.139	39.578.011.234
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		707.996.178.219	477.896.439.341
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.21	707.996.178.219	477.896.439.341
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.22	589.993.370.000	400.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		88.258.000	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu ngân quỹ (*)	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(26.353.844.542)	(58.936.106.593)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	9.587.513.166
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.23	27.809.000	9.587.513.166
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	V.23	30.465.307	9.693.991.139
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		144.210.120.454	107.963.528.463
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí Dự án	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
C. Lợi ích của Cổ đông thiểu số	439		9.417.051.544	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		3.324.775.774.290	2.798.420.038.801

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài	V.24	-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, gia công		-	-
3. Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	
4. Nợ khó đòi đã xử lý		10.469.703.728	10.372.853.728
5. Ngoại tệ các loại (USD)		457.309,24	2.969.480,50
5. Ngoại tệ các loại (EUR)		40.664,57	2,09
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	

TP. HCM, ngày 10 tháng 03 năm 2011

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

VŨ MINH PHƯỢNG

TRƯỜNG ĐÌNH SƠN

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
Năm 2010

Đơn vị tính: VNĐ				
Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	1,983,003,154,253	1,316,917,312,200
2. Các khoản giảm trừ	03		51,065,800,217	33,750,578,448
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV	10		1,931,937,354,036	1,283,166,733,752
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	1,511,785,275,261	1,093,488,421,632
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV	20		420,152,078,775	189,678,312,120
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	61,774,036,546	60,755,184,659
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	306,428,892,323	171,731,732,165
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		153,494,202,373	102,812,478,058
8. Chi phí bán hàng	24		53,561,788,167	32,814,880,527
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		68,235,446,411	44,740,183,270
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		53,699,988,420	1,146,700,817
11. Thu nhập khác	31	VI.05	83,089,877,963	118,648,127,951
12. Chi phí khác	32	VI.06	9,221,137,694	39,440,913,465
13. Lợi nhuận khác	40		73,868,740,269	79,207,214,486
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		127,568,728,689	80,353,915,303
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		36,325,458,906	9,579,740,456
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(3,293,261,446)	10,703,343,881
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		94,536,531,229	60,070,830,966
17.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		1,617,051,544	-
17.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	62		92,919,479,685	-
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		VI.07	2,190	1,502

TP. HCM, ngày 10 tháng 03 năm 2011

Kế toán trưởng

VŨ MINH PHƯƠNG

Tổng Giám đốc

TRƯƠNG ĐÌNH SƠN

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Năm 2010

Đơn vị tính: VNĐ			
Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	1,852,998,627,598	1,332,791,451,734
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02	(1,187,673,525,963)	(927,130,540,958)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(200,199,546,562)	(195,345,375,010)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(143,323,271,204)	(92,832,595,970)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(17,851,290,085)	(31,129,303,573)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	300,768,071,933	89,116,047,024
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(242,147,053,746)	(151,573,836,569)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	362,572,011,971	23,895,846,678
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(717,141,457,924)	(588,801,683,203)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	79,708,726,209	120,898,586,739
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	786,889,455	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(636,645,842,260)	(467,903,096,464)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	
2. Tiền chi trả vốn góp cho các CSH, mua lại CP của DN đã phát hành	32	-	-
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	1,539,757,313,268	1,064,497,636,228
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1,298,523,628,578)	(781,633,799,278)
3. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(123,785,000)	(27,005,903,500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	241,109,899,690	255,857,933,450
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(32,963,930,599)	(188,149,316,336)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	64,285,415,072	254,112,301,444
ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	1,163,291,763	(1,677,570,036)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	32,484,776,236	64,285,415,072

TP. HCM, ngày 10 tháng 03 năm 2011

Kế toán trưởng

VŨ MINH PHƯƠNG

Tổng Giám đốc

TRƯƠNG ĐÌNH SƠN

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn : Công ty cổ phần

2. Lĩnh vực kinh doanh : Dịch vụ, thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh : Kinh doanh vận tải biển; đào tạo nghề; xuất khẩu lao động; sửa chữa tàu biển; mua bán phương tiện, thiết bị, phụ tùng phục vụ ngành vận tải biển, vật tư hóa chất, sơn phục vụ sửa chữa và bảo dưỡng tàu biển, dầu nhớt, nguyên vật liệu ngành xây dựng; cung ứng tàu biển; đại lý kinh doanh xăng dầu; dịch vụ giao nhận hàng hóa; kinh doanh vận tải đa phương thức quốc tế; dịch vụ tiếp vận; dịch vụ khai thuê hải quan; kinh doanh bất động sản; cho thuê kho bãi, container.

4. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

a. Công ty TNHH Một Thành Viên Cung ứng Dịch vụ Hàng Hải và XNK Phương Đông (Pdimexco) chuyển đổi thành Công ty CP Cung ứng dịch vụ Hàng Hải và XNK Phương Đông (PdimexJSC) theo Giấy phép đăng ký kinh doanh số 0306291349 do Sở kế hoạch và đầu tư TPHCM cấp ngày 23/12/2009.

Xí nghiệp Sửa chữa Tàu biển (SMC) chính thức tách ra hoạt động độc lập với tên giao dịch là Công ty TNHH MTV Sửa chữa Tàu biển Phương Nam (SSR) theo Giấy phép đăng ký kinh doanh số 0309518598 do Sở kế hoạch và đầu tư TPHCM cấp ngày 21/12/2009.

Chi nhánh Vitranschat JSC tại Hà Nội chuyển thành Văn Phòng đại diện.

Tính đến ngày 31/12/2009, Công ty đã có Biên bản kiểm tra quyết toán vốn nhà nước nhưng chưa nhận được Quyết định của Bộ Giao thông Vận tải về việc xác định lại phần vốn Nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

b. Công ty triển khai và đưa vào sử dụng hệ thống phần mềm ERP-SAP từ ngày 10/11/2009, riêng phân hệ kế toán chính thức sử dụng ngày 01/01/2010, theo đó có một số thay đổi trong công tác kế toán kể từ năm 2010 gồm:

- Hình thức kế toán: chuyển từ Nhật ký chứng từ sang hình thức Kế toán máy vi tính.
- Phương pháp nhập xuất kho: chuyển từ Nhập trước, xuất trước sang phương pháp Bình quân gia quyền.

c. Đến ngày 02/11/2010, Công ty đã được Sở giao dịch Chứng khoán TPHCM chấp thuận cho niêm yết và giao dịch bổ sung 6.999.337 cổ phiếu thưởng và 12.000.000 cổ phiếu phát hành thêm, nâng tổng vốn đầu tư của chủ sở hữu từ 400.000.000.000 đồng lên thành 589.993.370.000 đồng.

d. Trong năm, Công ty đã tiến hành thanh lý các tàu Far East và Phương Đông 2. Hoạt động này đã làm phát sinh khoản lãi khác trong năm 2010 là 74 tỷ đồng.

Bên cạnh đó, Công ty cũng đã nhập khẩu mới 02 con tàu là tàu VTC Tiger và VTC Glory với tổng giá trị đầu tư lần lượt là 330.127.198.821 đồng và 334.649.053.259 đồng được tài trợ bởi Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam CN TPHCM (15.000.000 USD) và Ngân hàng TMCP Bảo Việt (15.200.000 USD). Cả 02 tàu đều được đưa vào khai thác ngay sau khi hoàn tất thủ tục nhận tàu.

Ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh

- Chi phí khấu hao cơ bản của đội tàu tăng 80 tỷ so với năm 2009 do Công ty thực hiện đúng mức quy định tại Thông tư 203/2009/TT-BTC, không thực hiện giảm khấu hao như được phép của Bộ Tài chính trong năm 2009.
- Năm 2010 : lỗ chênh lệch tỷ giá được hạch toán vào chi phí tài chính gồm chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư nợ vay dài hạn là 54 tỷ đồng; chênh lệch tỷ giá năm 2009 phân bổ là 12 tỷ đồng.

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

II. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

III. Chế độ kế toán và chuẩn mực kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 15/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và các Thông tư bổ sung, sửa đổi kèm theo.

2. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức: Kế toán máy vi tính.

IV. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam

Chúng tôi, Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam, tuyên bố tuân thủ đúng Chế độ kế toán Việt Nam, chuẩn mực kế toán Việt Nam phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

V. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Ước tính kế toán:

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

2. Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính:

- Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và Báo cáo tài chính của các Công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2010. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.
- Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau.
- Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa công ty con và công ty mẹ được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.
- Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

3. Tiền và tương đương tiền:

- Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền: là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo;

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

4. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho:
 - Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
 - Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên;
- Giá trị xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.
- Tại thời điểm 31/12/2010, Công ty không trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

5. Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:
 - Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
 - Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.
- Lập dự phòng phải thu khó đòi
Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Khoản dự phòng này được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:
Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn dưới 1 năm
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: Căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

6. Ghi nhận TSCĐ và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình.
Tài sản cố định được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá, trong quá trình sử dụng tài sản cố định được ghi nhận theo ba tiêu thức nguyên giá, hao mòn và giá trị còn lại. Nguyên giá của TSCĐ được xác định là toàn bộ chi phí mà đơn vị đã bỏ ra để có được tài sản đó tính đến thời điểm đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.
- Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình:
Khấu hao TSCĐ hữu hình được thực hiện theo phương pháp đường thẳng, căn cứ theo thời gian sử dụng hữu ích ước tính và nguyên giá của tài sản. Thời gian khấu hao được tính theo thời gian khấu hao quy định tại Thông tư 203/2009/TT - BTC ngày 12/12/2003 của Bộ Tài chính và Công văn số 7136/TC/TCĐN ngày 28/06/2004 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về thời gian khấu hao tàu đóng mới của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam. Số năm khấu hao của các loại TSCĐ như sau:

Loại TSCĐ	Thời gian sử dụng
- Nhà cửa vật kiến trúc	Từ 5 - 25 năm
- Máy móc thiết bị	Từ 3 – 8 năm

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

- Phương tiện vận tải Từ 3 - 20 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý Từ 3 – 8 năm

- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ vô hình.
Quyền sử dụng đất: Là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng bao gồm: Tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn nên không trích khấu hao.

Phần mềm máy tính: Là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao trong 3 năm.

7. Các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn của Công ty được ghi nhận theo giá gốc bắt đầu từ ngày góp vốn đầu tư, hoặc ngày mua cổ phiếu, trái phiếu
- Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ kế toán.
- Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán và thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

8. Các khoản chi phí đi vay và các khoản chi phí khác

- Nguyên tắc vốn hóa các khoản chi phí đi vay
 - Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc việc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.
 - Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất sản phẩm dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.
 - Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phát sinh.
 - Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời, các khoản vốn vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay khi phát sinh vốn hóa.
 - Chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hóa trong từng kỳ không được vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ đó.

- Nguyên tắc vốn hóa các khoản chi phí khác
 - Chi phí trả trước: Chi phí trả trước phân bổ cho hoạt động đầu tư XD CB, cải tạo, nâng cấp TSCĐ trong kỳ được vốn hóa vào TSCĐ đang được đầu tư hoặc nâng cấp đó.
 - Chi phí khác: Chi phí khác phục vụ cho hoạt động đầu tư XD CB, cải tạo, nâng cấp TSCĐ trong kỳ được vốn hóa vào TSCĐ đang được đầu tư hoặc nâng cấp đó.

- Nguyên tắc vốn hóa các khoản chi phí khác

- Các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.
- Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn tiêu thức và phương pháp phân bổ hợp lý.

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ để đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch. Đối với quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm, Công ty thực hiện trích lập theo hướng dẫn tại Thông tư số 82/TT-BTC ngày 14/08/2003 của Bộ Tài chính.

10. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

11. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm tài chính được hạch toán theo hướng dẫn tại Thông tư 201/TT-BTC ngày 15/10/2009.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày 31/12/2010: 18.932 VND/USD

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu và các quỹ

- Vốn đầu tư của Chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.
- Các quỹ của Công ty được trích lập theo quyết định tại Nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên.

13. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Doanh thu cung cấp dịch vụ:

Được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;

- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ;

- Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

- Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Doanh thu từ đầu tư cổ phiếu được ghi nhận trên cơ sở chênh lệch giữa giá bán và giá mua. Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

1. Tiền	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền mặt	664,260,688	472,620,436
- Tiền gửi Ngân hàng	31,820,515,548	63,812,794,636
Cộng	32,484,776,236	64,285,415,072

2 Phải thu khách hàng	Số cuối năm	Số đầu năm
Các khách hàng vận tải quốc tế (*)	50,416,898,179	29,101,894,986
Các khách hàng khác	27,857,959,918	17,544,078,113
Cộng	78,274,858,097	46,645,973,099

3 Trả trước cho người bán	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước nhà cung cấp nước ngoài	37,576,823,729	39,814,362,025
Các nhà cung cấp khác	6,524,015,701	3,156,198,244
Cộng	44,100,839,430	42,970,560,269

4 Các khoản phải thu ngắn hạn khác	Số cuối năm	Số đầu năm
Tổng công ty Hàng Hải Việt Nam	1,532,394,660	554,718,248
Lãi tiền gửi dự thu	-	-
Các khoản phải thu khác	3,077,422,872	9,205,956,542
Cộng	4,609,817,532	9,760,674,790

5 Dự phòng phải thu khó đòi	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán	1,077,575,323	886,664,264
Cộng	1,077,575,323	886,664,264

6 Hàng tồn kho	Số cuối năm	Số đầu năm
- Nguyên liệu, vật liệu	84,635,296,921	73,625,435,673
- Công cụ, dụng cụ	1,214,442,937	908,582,800
Cộng giá gốc hàng tồn kho	85,849,739,858	74,534,018,473
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Cộng	85,849,739,858	74,534,018,473

7 Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế GTGT đầu vào còn được khấu trừ	56,978,415,335	9,707,562,329
Cộng	56,978,415,335	9,707,562,329

Trong đó, thuế giá trị gia tăng nhập khẩu tàu VTC Tiger là 35.596.138.799 đồng đã được Cục thuế TPHCM hoàn tháng 01/2011; thuế giá trị gia tăng đầu vào của dịch vụ vận tải giữa các cảng nước ngoài là 10.593.976.971 đồng chưa được Cục thuế TPHCM hoàn thuế do vướng mắc về đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng. Ngày 23/02/2011, Bộ Tài chính đã có thông báo số 97/TB-BTC chỉ đạo Tổng Cục thuế hướng dẫn cho phép hoàn số thuế giá trị gia tăng nói trên.

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

8 Tài sản ngắn hạn khác	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tạm ứng	11,749,208,848	11,425,232,945
- Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	143,925,175	-
	11,893,134,023	11,425,232,945

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	PTVT ruyền dẫn	Thiết bị quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá tài sản cố định					
Số dư đầu năm	18,375,562,414	2,309,439,025	3,704,324,929,961	582,812,027	3,725,592,743,427
- Mua trong năm	18,712,000	323,550,735	667,976,321,860	35,728,040	668,354,312,635
- XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	115,626,197,488	-	115,626,197,488
- Giảm khác	-	7,990,000	-	-	7,990,000
Số dư cuối năm	18,394,274,414	2,624,999,760	4,256,675,054,333	618,540,067	4,278,312,868,574
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	6,724,025,645	1,898,894,925	1,255,906,504,697	399,521,845	1,264,928,947,112
- Khấu hao trong năm	1,015,954,277	360,572,234	242,664,580,741	77,832,679	244,118,939,931
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	115,626,197,488	-	115,626,197,488
- Giảm khác	-	665,833	-	-	665,833
Số dư cuối kỳ	7,739,979,922	2,258,801,326	1,382,944,887,950	477,354,524	1,393,421,023,722
Giá trị còn lại của TSCĐ					
- Tại ngày đầu năm	11,651,536,769	410,544,100	2,448,418,425,264	183,290,182	2,460,663,796,315
- Tại ngày cuối năm	10,654,294,492	366,198,434	2,873,730,166,383	141,185,543	2,884,891,844,852

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Nhãn hiệu hàng hoá	Phần mềm	Tổng cộng
Nguyên giá tài sản cố định					
Số dư đầu năm	2,680,960,000	-	-	338,146,453	3,019,106,453
- Mua trong năm	-	-	-	-	-
- Tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp	-	-	-	-	-
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	2,680,960,000	-	-	338,146,453	3,019,106,453
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	-	-	-	255,890,123	255,890,123
- Khấu hao trong năm	-	-	-	82,256,330	82,256,330
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	-	-	-	338,146,453	338,146,453
Giá trị còn lại của TSCĐ					
- Tại ngày đầu năm	2,680,960,000	-	-	82,256,330	2,763,216,330
- Tại ngày cuối năm	2,680,960,000	-	-	-	2,680,960,000

11. Chi phí XDCB dở dang:	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự án ứng dụng CNTT	10,579,594,529	8,566,508,123
Dự án Trạm cân Khu CN Nhơn Bình	6,150,022,988	148,759,152
Sửa chữa lớn TSCĐ	2,889,172,356	-
Cộng	19,618,789,873	8,715,267,275

12. Chi phí trả trước dài hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	-	-
Tiền thuê đất trả trước	8,779,519,493	8,993,654,117
Lợi thế thương mại	-	5,544,557,184
Sửa chữa lớn chờ phân bổ	39,911,344,556	12,343,711,882
Chi phí trả trước dài hạn khác	641,657,121	398,143,239
Cộng	49,332,521,170	27,280,066,422

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

13.	Vay và nợ ngắn hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
a.	Vay ngắn hạn	365,643,199,315	315,983,618,467
	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Mạc Thị Bưởi	36,393,093,974	40,800,824,585
	Ngân hàng thương mại cổ phần á Châu - SGD	47,275,887,043	10,300,000,000
	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN TP Hồ Chí Minh	146,167,009,908	137,618,176,801
	Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - CN TP. Hồ Chí Minh	131,307,208,391	127,264,617,081
	Ngân hàng thương mại cổ phần Phương Đông	4,500,000,000	
b.	Nợ dài hạn đến hạn trả	76,420,401,279	64,074,801,279
	Cộng	442,063,600,594	380,058,419,746

14.	Phải trả người bán	Số cuối năm	Số đầu năm
	Các nhà cung cấp trong nước	28,705,193,961	25,503,606,302
	Các nhà cung cấp nước ngoài	27,660,580,064	49,354,710,705
	Cộng	56,365,774,025	74,858,317,007

15.	Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	Số cuối năm	Số đầu năm
	- Thuế Giá trị gia tăng phải nộp	395,818,983	497,258,069
	- Thuế Giá trị gia tăng hàng Nhập khẩu	164,519,080	-
	- Thuế xuất, nhập khẩu	151,795,255	16,339,148
	- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	19,087,215,089	7,649,825,990
	- Thuế Thu nhập cá nhân	3,218,423,885	1,377,234,486
	- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	202,118,400
	Cộng	23,017,772,292	9,742,776,093

16.	Chi phí phải trả	Số cuối năm	Số đầu năm
	Chi phí cảng nước ngoài	41,225,085,715	20,996,665,010
	Tiền ăn thuyền viên	4,452,159,504	4,683,781,354
	Lãi vay phải trả	10,181,404,808	10,364,599,485
	Trích trước khấu hao TSCĐ	2,242,428,358	-
	Chi phí phải trả khác	2,360,939,322	425,988,642
	Cộng	60,462,017,707	36,471,034,491

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

17.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	Số cuối năm	Số đầu năm
	Kinh phí công đoàn	3,342,434,721	3,412,422,236
	Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	719,962,896	312,671,545
	Phải trả về Cổ phần hoá	56,249,665,020	63,813,628,982
	Cổ tức phải trả	311,624,500	435,409,500
	Thu chi hộ thuyền viên	-	65,387,647
	Phải trả Tổng công ty HHVN	743,995,786	-
	Các khoản phải trả, phải nộp khác	5,393,263,082	1,660,941,259
	Cộng	66,760,946,005	69,700,461,169

18.	Phải trả dài hạn người bán	Số cuối năm	Số đầu năm
	Công ty CP dịch vụ hạ tầng PBC	6,285,543,982	6,892,515,072
	Cộng	6,285,543,982	6,892,515,072

19.	Vay và nợ dài hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
	Vay dài hạn ngân hàng		
	Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - CN TP. Hồ Chí Minh	467,398,048,900	245,287,922,187
	Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Hải Phòng	302,465,800,000	364,193,800,000
	Sở giao dịch 2 Ngân hàng Phát triển Việt Nam	43,333,000,000	50,281,000,000
	Ngân hàng Natixis - CN TP Hồ Chí Minh	249,665,750,000	308,360,937,500
	Ngân hàng TMCP á Châu - CN TP Hà Nội	24,341,099,584	38,444,979,496
	Ngân hàng TMCP á Châu - Sở giao dịch	393,556,951,800	477,159,875,000
	Ngân hàng TMCP Quốc tế - CN Sài Gòn	2,149,122,776	7,060,106,438
	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN TP Hồ Chí Minh	29,581,250,000	50,459,062,500
	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Bình Tây	77,621,200,000	84,322,700,000
	Ngân hàng TMCP Bảo Việt - CN TPHCM		269,781,000,000
	Ngân hàng Đầu tư và phát triển - CN Bình Định	2,700,000,000	-
	Cộng	1,862,593,223,060	1,625,570,383,121

20.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả:		
a.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	Số cuối năm	Số đầu năm
	- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	- 3,516,741,663	
	Cộng tài sản thuế thu nhập DN hoãn lại	-	3,516,741,663

b.	Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả	Số cuối năm	Số đầu năm
	- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế		6,526,934,798
	Cộng Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả	6,526,934,798	9,444,637,687

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

Nội dung	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Các quỹ khác thuộc VCSH	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Năm trước								
1. Số dư đầu năm	400,000,000,000	-	-	9,587,513,166	9,587,513,166	9,587,513,166	53,400,210,663	482,162,750,161
- Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	60,070,830,966	60,070,830,966
- Tăng khác	-	-	-	-	-	5,573,525,832	-	5,573,525,832
- Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-
- Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	58,936,106,593	-	-	5,467,047,859	5,507,513,166	69,910,667,618
2. Số dư cuối năm	400,000,000,000	-	(58,936,106,593)	9,587,513,166	9,587,513,166	9,693,991,139	107,963,528,463	477,896,439,341
Năm nay								
1. Số dư đầu năm	400,000,000,000	-	(58,936,106,593)	9,587,513,166	9,587,513,166	9,693,991,139	107,963,528,463	477,896,439,341
- Phân phối lợi nhuận năm trước	-	-	-	3,253,138,958	2,990,404,843	2,990,404,843	(15,214,758,329)	(5,980,809,685)
- Tăng vốn trong năm nay	189,993,370,000	88,258,000	12,577,918,009	-	-	-	3,144,479,502	205,804,025,511
- Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	-	92,919,479,685	92,919,479,685
- Phát sinh trong năm	-	-	(57,697,824,635)	-	27,809,000	(76,012,666)	(27,809,000)	(57,773,837,301)
- Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	-
- Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	(77,702,168,677)	12,840,652,124	12,577,918,009	12,577,918,009	44,574,799,867	4,869,119,332
2. Số dư cuối năm	589,993,370,000	88,258,000	(26,353,844,542)	-	27,809,000	30,465,307	144,210,120,454	707,996,178,219

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

22 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu	Số cuối năm	Số đầu năm
- Vốn đầu tư của Nhà nước	354,000,000,000	240,000,000,000
- Vốn góp của các cổ đông khác	235,993,370,000	160,000,000,000
Cộng	589,993,370,000	400,000,000,000

Cổ phiếu	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	58,999,337	40,000,000
- Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng	58,999,337	40,000,000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>58,999,337</i>	<i>40,000,000</i>
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	58,999,337	40,000,000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>58,999,337</i>	<i>40,000,000</i>

* *Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND/cổ phiếu*

23 Các quỹ doanh nghiệp	Số cuối năm	Số đầu năm
Quỹ đầu tư phát triển	-	9,587,513,166
Quỹ dự phòng tài chính	27,809,000	9,587,513,166
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	30,465,307	9,693,991,139

* *Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ:*

“*Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty.*”

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của chủ tịch Hội đồng quản trị.

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu là quỹ dự trữ được trích lập theo Điều lệ Công ty, dùng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty.

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên Báo cáo kết quả kinh doanh (ĐVT: VND)

1 Tổng Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm nay	Năm trước
	1,983,003,154,253	1,316,917,312,200
+ Doanh thu bán hàng hoá	208,267,835,973	144,146,427,368
+ Doanh thu cung cấp dịch vụ vận tải	1,688,546,888,877	1,084,633,311,488
+ Doanh thu dịch vụ khác	86,188,429,403	88,137,573,344
Các khoản giảm trừ doanh thu	51,065,800,217	33,750,578,448
+ Giảm giá hàng bán	51,065,800,217	33,750,578,448
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1,931,937,354,036	1,283,166,733,752

2 Giá vốn hàng bán	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hàng hoá đã cung cấp	167,608,199,461	119,668,189,404
Giá vốn cung cấp dịch vụ vận tải	1,256,039,118,302	891,115,247,328
Giá vốn hàng bán khác	88,137,957,498	82,704,984,900
Cộng	1,511,785,275,261	1,093,488,421,632

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

3	Doanh thu hoạt động tài chính	Năm nay	Năm trước
	Lãi tiền gửi có kỳ hạn	490,793,334	790,728,966
	Lãi tiền gửi không kỳ hạn	610,896,060	443,516,001
	Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	60,377,790,158	59,353,961,045
	Doanh thu hoạt động tài chính khác	294,556,994	166,978,647
	Cộng	61,774,036,546	60,755,184,659

4	Chi phí hoạt động tài chính	Năm nay	Năm trước
	Lãi tiền vay	153,504,676,012	102,812,478,058
	Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	86,101,822,738	58,451,411,259
	Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	66,822,311,655	10,467,842,848
	Chi phí tài chính khác	81,918	-
	Cộng	306,428,892,323	171,731,732,165

5	Thu nhập khác	Năm nay	Năm trước
	Thu thanh lý tài sản cố định	79,524,423,482	100,505,234,722
	Thu tiền bán phế liệu	182,752,727	72,732,727
	Thu bồi thường tổn thất các tàu đã thanh lý	-	13,869,818,962
	Thu nhập khác	3,382,701,754	4,200,341,540
	Cộng	83,089,877,963	118,648,127,951

6	Chi phí khác	Năm nay	Năm trước
	Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý	-	29,181,602,092
	Chi phí thanh lý tài sản cố định	5,625,849,160	8,398,800,519
	Giá vốn phế liệu	-	15,478,722
	Chi phí bồi thường tổn thất của các tàu đã thanh lý	-	287,872,963
	Thuế bị phạt, truy thu	-	194,121,728
	Chi phí khác	3,595,288,534	1,363,037,441
	Cộng	9,221,137,694	39,440,913,465

7	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Năm nay	Năm trước
	Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	94,536,531,229	60,070,830,966
	Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
	Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	94,536,531,229	60,070,830,966
	Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (*)	43,166,556	40,000,000
	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2,190	1,502

(*) Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	40,000,000	40,000,000
ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành	18,999,337	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	43,166,556	40,000,000

8	Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	Năm nay	Năm trước
	Chi phí nguyên liệu, vật liệu	541,428,652,937	397,820,336,253
	Chi phí nhân công	272,020,222,868	209,216,847,939
	Chi phí công cụ, dụng cụ	-	-
	Chi phí khấu hao tài sản cố định	246,417,076,953	125,726,837,603
	Chi phí dịch vụ mua ngoài	175,294,934,132	96,608,891,026
	Chi phí khác	398,421,622,949	341,375,547,883
	Cộng	1,633,582,509,839	1,170,748,460,704

VII. Những thông tin khác

1. Thông tin so sánh

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2009 của Công ty Cổ phần Vận Tải và Thuê tàu biển Việt Nam đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội và đã được phân loại lại theo thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009

2. Thông tin về hoạt động liên tục

Ban Tổng Giám đốc khẳng định rằng, Công ty sẽ tiếp tục hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm tài chính tiếp theo.

3. Những thông tin khác

a. Các khoản đầu tư góp vốn	Số tiền	Tỷ lệ	sở hữu
- Công ty CP CỨDVHH và XNK Phương Đông (PDIMEX JSC)	10,200,000,000		56.67%
- Công ty TNHH MTV Sửa chữa Tàu Biển Phương Nam (SRR)	5,500,000,000		100%

* Công ty TNHH MTV Sửa Chữa tàu biển Phương Nam (SSR) được thành lập từ Xí nghiệp sửa chữa tàu biển (SMC) thuộc Công ty CP Vận Tải và Thuê Tàu Biển Việt Nam

b. Các khoản bù trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất

* Doanh thu - giá vốn			
	Hoạt động	Doanh thu	Giá vốn
	Sửa chữa bảo dưỡng	9,885,969,312	9,885,969,312
	Cho thuê tàu	4,606,075,540	4,606,075,540
	Đại lý tàu biển	552,028,475	552,028,475
	Cung ứng vật tư	5,235,673,105	5,235,673,105
	Cộng	20,279,746,432	20,279,746,432
* Công nợ nội bộ loại trừ		TK 131/TK331	TK 1388/TK3388
	Công nợ phải thu, phải trả nội bộ tập đoàn	3,557,731,063	-
	Công nợ phải thu khác, phải trả khác nội bộ tập đoàn	-	374,208,015

c. Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về thuế với việc áp dụng các quy định và Chuẩn mực kế toán cho các giao dịch tại Công ty có thể được giải thích theo cách khác nhau vì vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

4. Một số chỉ tiêu đánh giá tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
1 Bố trí cơ cấu tài sản và nguồn vốn		
1.1 Bố trí cơ cấu tài sản (%)		
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	88.97%	89.48%
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	11.03%	10.52%
1.2 Bố trí cơ cấu nguồn vốn (%)		
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	78.42%	82.92%
- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	21.58%	17.08%
2 Khả năng thanh toán		
2.1. Khả năng thanh toán tổng quát (lần)	1.28	1.21
2.2. Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn (lần)	0.52	0.47
2.3. Khả năng thanh toán nhanh (lần)	0.05	0.10
3 Tỷ suất sinh lời		
3.1 Tỷ suất sinh lời trên doanh thu thuần (%)		
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	6.60%	6.26%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	4.89%	4.68%
3.2 Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản (%)		
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	3.84%	2.87%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	2.84%	2.15%

TP. HCM, ngày 10 tháng 03 năm 2011

Kế toán trưởng

VŨ MINH PHƯỢNG

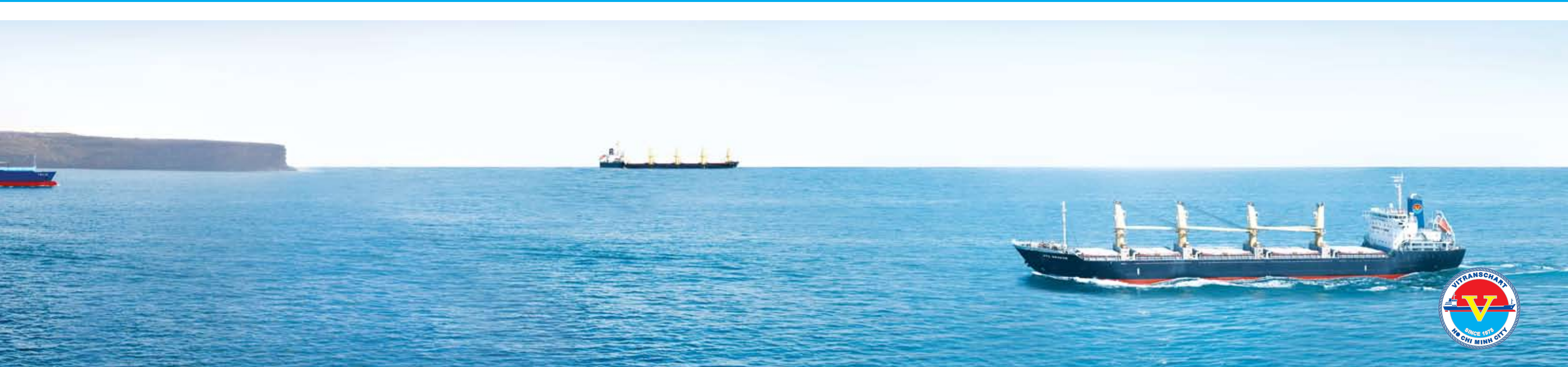
Tổng Giám đốc

TRƯƠNG ĐÌNH SƠN

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

Phụ lục số 01: Bảng xác định Lợi ích của cổ đông thiểu số

TT	Chỉ tiêu	Vốn chủ sở hữu	Vốn chủ sở hữu	Lợi ích của cổ đông thiểu số
1	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	18,000,000,000	10,200,000,000	7,800,000,000
2	Thặng dư vốn cổ phần	-	-	-
3	Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-
4	Quỹ dự phòng tài chính	-	-	-
5	Quỹ khác thuộc vốn Chủ sở hữu	-	-	-
6	Lợi nhuận chưa phân phối	3,731,944,483	2,114,892,939	1,617,051,544
	Cộng	21,731,944,483	12,314,892,939	9,417,051,544



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM
(VITRANSCHART JSC)

